

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM NGỌC HÀ

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯ VIỆN
TỪ THỰC TIỄN THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số : 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS. TS. LÊ THỊ HƯƠNG

HÀ NỘI, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu trong luận văn là trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào.

Tác giả luận văn

Phạm Ngọc Hà

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯ VIỆN	6
1.1. Nhận thức chung về thư viện	6
1.2. Khái niệm, đặc điểm, nội dung và vai trò quản lý nhà nước về thư viện	9
1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về thư viện	20
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯ VIỆN TẠI THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM	29
2.1. Giới thiệu chung về Thư viện Quốc gia Việt Nam	29
2.2. Đánh giá Thực trạng quản lý nhà nước về thư viện tại Thư viện Quốc gia Việt Nam	37
2.3. Những ưu điểm và hạn chế trong quản lý nhà nước về thư viện tại Thư viện quốc gia Việt Nam	54
Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯ VIỆN TỪ THỰC TIỄN THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM	59
3.1. Quan điểm tăng cường quản lý nhà nước về thư viện	59
3.2. Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về thư viện	61
KẾT LUẬN	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	73

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- BVHTT** : Bộ Văn hóa – Thông tin
- BVHTTDL** : Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- CSDL** : Cơ sở dữ liệu
- LATS** : Luận án tiến sĩ
- PLTV** : Pháp lệnh Thư viện
- TVQG** : Thư viện Quốc gia

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1:	Cơ cấu tổ chức của Thư viện Quốc gia Việt Nam.....	27
Bảng 2.2:	Công tác thư nhận lưu chiều từ 2012-2016.....	46
Bảng 2.3:	Số luận án tiến sĩ thu nhận được từ 2012-2016.....	46

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời đại ngày nay, văn hóa ngày càng trở thành vấn đề toàn cầu, ngày càng thu hút sự quan tâm của các quốc gia trên thế giới. Hầu hết, các nước đều rất quan tâm đến vai trò, vị trí của văn hóa trong phát triển, coi văn hóa là mục tiêu và động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước, trong đó có thư viện và các hoạt động của thư viện.

Thư viện là một thiết chế quan trọng không thể thiếu trong cấu trúc thống nhất của các thiết chế phục vụ văn hóa, thông tin cho người dân góp phần nâng cao trình độ dân trí, học tập suốt đời và giải trí cho nhân dân.

Đánh giá cao vai trò thư viện với tư cách là là cơ quan thông tin, văn hoá, giáo dục quan trọng, trong từng giai đoạn cách mạng khác nhau, Đảng cộng sản Việt Nam đã vạch ra những đường lối chủ trương phù hợp để phát triển sự nghiệp thư viện. Từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III năm 1960 đã nhấn mạnh *“Cần mở rộng các thư viện hiện có, xây dựng thêm một số thư viện ở các khu công nhân, thị xã và mở rộng phong trào quần chúng đọc sách báo...”* [35, tr.7]. Tiếp đó, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV tháng 12 năm 1976 đã đề ra mục tiêu *“Nhà nước cùng với đóng góp của nhân dân sẽ xây dựng những trung tâm văn hoá với thư viện, nhà văn hoá, làm cho việc đọc sách báo trở thành nếp sống hàng ngày”*. [35, tr.8]

Đặc biệt, từ khi bước vào công cuộc đổi mới đất nước, công tác thư viện lại càng được quan tâm hơn bao giờ hết. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI tháng 12 năm 1986 nhấn mạnh *“phải xây dựng và sử dụng các hệ thống thư viện từ trung ương xuống cơ sở...”* [26, tr. 9]...

Có thể nói, trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ lịch sử, khi có những thay đổi các điều kiện kinh tế, chính trị - xã hội cũng như nhiệm vụ cách mạng, Đảng và Nhà nước ta có những chỉ đạo kịp thời về đường lối phát triển sự nghiệp thư viện của đất nước.

Để đáp ứng được yêu cầu thực tiễn khách quan đó, hệ thống thư viện cần phải được tổ chức và hoạt động theo một định hướng xác định, trong đó không thể thiếu vai trò quản lý nhà nước đối với hệ thống thư viện.

Thực hiện hoạt động quản lý nhà nước đối với hệ thống thư viện hiệu quả sẽ có ý nghĩa quyết định trong việc cung cấp kiến thức, tri thức khoa học về các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, văn hóa, xã hội... phát triển nguồn nhân lực. Trong những năm qua, cùng với những kết quả đạt được của quá trình đổi mới tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, công tác quản lý nhà nước về hoạt động của hệ thống thư viện cũng đã bước đầu có những thay đổi đáng kể góp phần nâng cao vai trò và vị trí của hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu con người, tuy nhiên trên thực tế, hoạt động này vẫn còn tồn tại nhiều bất cập cần được kịp thời khắc phục và hoàn thiện.

Với những lý do trên, tác giả đã tiến hành chọn đề tài ***“Quản lý nhà nước về thư viện từ thực tiễn Thư viện Quốc gia Việt Nam”*** để nghiên cứu làm luận văn tốt nghiệp Cao học Luật của mình.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Đây là một lĩnh vực tương đối mới. Trong quá khứ cũng như hiện nay chỉ có một số nghiên cứu về lĩnh vực này có thể kể đến như:

- *Tổ chức và quản lý công tác thông tin – Thư viện* (1998), TS Bùi Loan Thùy, Đào Hoàng Thúy, NXB TP Hồ Chí Minh.

- *Quản lý thư viện và trung tâm thông tin (Giáo trình dùng cho sinh viên ngành Thư viện – Thông tin)* (2002), Ths Nguyễn Tiến Hiền, TS Nguyễn Thị Lan Thanh, Trường đại học Văn hóa Hà Nội.

- *Văn bản pháp quy Việt Nam về Thư viện (Giáo trình dành cho sinh viên đại học và cao đẳng ngành Thư viện – Thông tin)* (2007), TS Lê Văn Việt, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- *Một số định hướng về Chiến lược phát triển thư viện Việt Nam đến năm 2020* (1998), Lê Văn Việt, Tạp san Thư viện số 4/1998.

- *Công tác lưu chiểu, thành tựu và bài học* (2002), Võ Quang Uẩn, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 11/2002.

- *Tin học hóa thư viện* (2002), Trần Thị Phương Lan, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật số 11/2002.

- *Nâng cao chất lượng công tác phục vụ người đọc* (2008), Đại Lượng – Hữu Nghĩa, Tạp chí Thư viện Việt Nam số 1/2008.

Đây là các công trình mang tính chất tham khảo cho sinh viên chuyên ngành Thư viện – thông tin và cũng rất giá trị đối với những người nghiên cứu vấn đề này dưới góc độ khoa học pháp lý, chuyên ngành Luật Hành chính.

Và trên thực tế, nguồn tài liệu tham khảo, các sách khảo cứu chuyên đề về quản lý nhà nước về thư viện không nhiều, những khó khăn khách quan trên là những trở ngại không nhỏ đối với việc nghiên cứu của tác giả.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Mục đích tổng quát của luận văn là xây dựng luận cứ khoa học cho các giải pháp đổi mới quản lý nhà nước về thư viện ở Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ

Để đạt được mục đích nêu trên, luận văn có những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, phân tích làm rõ những vấn đề lý luận quản lý nhà nước về thư viện như: phân tích khái niệm, đặc điểm, nội dung và vai trò của quản lý nhà nước về thư viện; những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về thư viện.

- Mô tả và đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về thư viện tại TVQG, xác định các ưu điểm và hạn chế, các nguyên nhân của ưu điểm và hạn chế trong quản lý nhà nước về thư viện. Trên cơ sở đó, phát hiện nhu cầu đổi mới quản lý nhà nước về TVQG nói riêng và thư viện trên cả nước nói chung.

- Xác định các quan điểm, đề xuất các giải pháp tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về thư viện từ thực tiễn TVQG nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là tập trung vào công tác quản lý nhà nước về thư viện từ thực tiễn TVQG Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu

Đề tài thực hiện nghiên cứu hoạt động quản lý nhà nước về thư viện nói chung trên cơ sở tìm hiểu tổng quát quy định về quản lý nhà nước về thư viện. Đồng thời, tìm hiểu thực tế việc tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với thư viện từ thực tiễn TVQG Việt Nam 5 năm gần đây, từ năm 2012 đến hết năm 2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được thực hiện trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước ta về chính sách phát triển thư viện và quản lý nhà nước về hoạt động thư viện.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Với mục đích tìm kiếm, khảo sát những thông tin xác thực, toàn diện và khoa học, trong quá trình nghiên cứu đề tài, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học như: phương pháp thống kê, so sánh, phương pháp phân tích và tổng hợp... để phân tích và làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu. Các phương pháp trên được sử dụng cụ thể trong luận văn như sau:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp được sử dụng để giải quyết những vấn đề mang tính lý luận: phân tích khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung quản lý nhà nước về thư viện cũng như đánh giá thực quản lý nhà nước về thư viện tại TVQG.

- Phương pháp thống kê được sử dụng để thống kê số lượng nhân sự, các hoạt động của TVQG.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Góp phần làm rõ hơn căn cứ lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước về hoạt động thư viện. Đề xuất và đưa ra những quan điểm, giải pháp đổi mới quản lý nhà nước về hoạt động thư viện.

- Những kết luận và những giải pháp rút ra từ luận văn có thể làm tài liệu tham khảo cho việc xây dựng, hoạch định chính sách phát triển thư viện và tăng cường quản lý nhà nước về thư viện ở Việt Nam.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn được chia thành ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận của quản lý nhà nước về thư viện

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về thư viện tại Thư viện Quốc gia Việt Nam

Chương 3: Quan điểm và giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về thư viện từ thực tiễn Thư viện Quốc gia Việt Nam

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯ VIỆN

1.1. Nhận thức chung về thư viện

1.1.1. Khái niệm thư viện

Trong xu thế toàn cầu hóa đang diễn ra một cách mạnh mẽ trên thế giới như hiện nay, hoạt động thông tin nói chung và thư viện nói riêng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Thư viện đang thực sự có những bước đột biến, đi vào chiều sâu về cả lượng và chất, các thư viện nói chung đóng vai trò hết sức quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, và xã hội. Theo các nhà nghiên cứu, thư viện là một mặt của đời sống xã hội, từ khi ra đời đến nay đã tồn tại song hành cùng quá trình phát triển của loài người.

Thư viện đã góp phần giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, truyền thống cách mạng, góp phần nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, phong phú và đa dạng về đời sống tinh thần của nhân dân.

Do vậy, việc nhận thức vai trò của thư viện là một vấn đề bức thiết trong mọi thời đại, mọi hình thái nhà nước. Trong quá khứ cũng như hiện tại, có nhiều học giả nghiên cứu và đưa ra những khái niệm khác nhau về thư viện dưới những góc độ khác nhau.¹

Luật Liên bang Nga về sự nghiệp thư viện được Đuma Quốc gia thông qua ngày 23 tháng 11 năm 1994 đưa ra định nghĩa sau về thư viện:

“Thư viện – là cơ quan thông tin, văn hóa, giáo dục có vốn tài liệu nhân bản được tổ chức và được đưa ra cho các pháp nhân, cá nhân sử dụng có thời hạn; Thư viện có thể là cơ quan độc lập hoặc là bộ phận cấu thành của xí nghiệp, cơ quan, tổ chức”. Theo định nghĩa này, thư viện là một cơ quan, một thiết chế xã hội.

Theo UNESCO

Thư viện, không phụ thuộc vào tên gọi của nó, là bất cứ bộ sưu tập có tổ chức nào của sách, ấn phẩm định kỳ hoặc các tài liệu khác, kể cả đồ họa, nghe - nhìn,

nhân viên thư viện có trách nhiệm tổ chức cho bạn đọc sử dụng tài liệu đó nhằm mục đích thông tin, nghiên cứu khoa học, giáo dục và giải trí.

Do đó, các thư viện hiện đại ngày càng trở thành nơi để truy cập thông tin vô hạn chế bằng nhiều định dạng và từ nhiều nguồn gốc. Gần đây hơn, các thư viện không còn chỉ là kiến trúc, họ cũng hỗ trợ tìm kiếm và phân tích rất nhiều kiến thức, dùng đủ loại thứ công cụ điện tử.

Đối với Việt Nam, đến thời điểm hiện tại, văn bản cao nhất về quản lý nhà nước là PLTV. Tại điều 1 PLTV của nước ta, thư viện được định nghĩa như sau:

“Thư viện có chức năng, nhiệm vụ giữ gìn di sản thư tịch của dân tộc; thu thập, tàng trữ, tổ chức việc khai thác và sử dụng chung vốn tài liệu trong xã hội nhằm truyền bá tri thức, cung cấp thông tin phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu, công tác và giải trí của mọi tầng lớp của nhân dân; góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hoá, phục vụ công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” [43]. Định nghĩa này khẳng định rõ những chức năng và công dụng xã hội của thư viện.

Theo Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học: *“Thư viện là nơi lưu giữ sách báo, tài liệu và tổ chức cho bạn đọc sử dụng”*. Đầy đủ hơn trong Từ điển tiếng Việt do Trung tâm từ điển ngôn ngữ xuất bản, thư viện đã được định nghĩa là *“nơi tàng trữ, giữ gìn sách báo, tài liệu và tổ chức cho bạn đọc sử dụng”*. Theo Từ điển về Thư viện và Thông tin của Trung Quốc: *“Thư viện là một cơ cấu văn hoá, khoa học và giáo dục thông qua việc sưu tập, xử lý, tàng trữ và sử dụng tài liệu phục vụ cho một độc giả xã hội nhất định”*.

Theo O.S. Trubarian, nhà thư viện học Xô viết: *“Thư viện là cơ quan văn hoá, giáo dục và khoa học hỗ trợ tổ chức việc sử dụng rộng rãi các sách báo”*.

Trong cuốn Từ điển giải nghĩa thư viện học Anh Việt của Hội Thư viện Hoa Kỳ: *“Thư viện là một sưu tập những tài liệu đã được tổ chức để đáp ứng nhu cầu của một nhóm người mà thư viện có bổn phận phục vụ để cho họ có thể sử dụng cơ sở của thư viện, truy dụng thư tịch, cũng như trau dồi kiến thức của họ”*.

Theo Bách khoa toàn thư Anh: “Ý nghĩa của thư viện là ở chỗ nhiều sách được tập hợp lại phục vụ cho việc sử dụng, tra cứu và nghiên cứu”.

Theo Tiêu chuẩn Việt Nam 5453-1991, thư viện được xác định là: “Cơ quan (hoặc một bộ phận của cơ quan) thực hiện chức năng thu thập, xử lý, bảo quản tài liệu và phục vụ bạn đọc, đồng thời tiến hành tuyên truyền giới thiệu các tài liệu đó”. [45]

1.1.2. Vai trò của thư viện trong xã hội

Thứ nhất, thư viện là kho tàng tri thức và các giá trị văn hóa của nhân loại.

Vốn tài liệu của thư viện có giá trị văn hóa to lớn. Thư viện lưu giữ và bảo tồn những giá trị văn hóa của loài người, là một bộ phận quan trọng của nền văn hóa, là tài sản quý giá của một quốc gia, nhờ thư viện, tri thức được truyền bá từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Góp phần làm tăng giá trị văn hóa và tạo nên niềm tự hào cho dân tộc.

Thứ hai, thư viện là trung tâm truyền bá sách báo rộng rãi trong quần chúng nhân dân.

Với chức năng văn hóa-giáo dục, thông tin và giải trí, cùng với các trường học thư viện đã góp phần to lớn vào việc mở mang giao tiếp xã hội, nâng cao trình độ dân trí, nâng cao đời sống tinh thần con người.

Thứ ba, thư viện giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực có tri thức cho đất nước.

Ở các nước trên thế giới, thư viện được coi là bộ nhớ về lịch sử văn hóa lưu giữ tri thức cho các thế hệ mai sau. Thư viện được coi là cơ sở vật chất cho việc giáo dục con người phát triển toàn diện, tự giáo dục đào tạo đội ngũ cán bộ, nâng cao trình độ chuyên môn. Là cơ sở cho việc học tập không ngừng tạo nên một “xã hội học tập”

Thứ tư, thư viện góp phần đắc lực phát triển sản xuất, phát triển các ngành kinh tế quốc dân, văn hóa, khoa học – kỹ thuật, thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Để xã hội phát triển phải đưa tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất và nâng cao trình độ văn hóa khoa học – kỹ thuật cho đông đảo nhân dân; hoạt động tích cực của các thư viện trong việc tuyên truyền các thành tựu khoa học – kỹ thuật hiện đại, kinh nghiệm tiên tiến ở trong nước và nước ngoài, phổ biến kiến thức khoa học thường thức... có tác dụng tích cực trong việc phát triển sản xuất và cải tiến các quá trình sản xuất trong thực tiễn.

Thứ năm, thư viện là trung tâm thông tin, tạo điều kiện cho người sử dụng tiếp cận nhanh chóng tới tri thức và thông tin ở tất cả các dạng thức.

Internet và các phương tiện truyền thông mới hiện đại như truyền hình ảnh (videotex), thư điện tử (email), hội nghị, hội thảo từ xa, truyền hình cáp (cabtelevision), truyền hình phân giải, truyền hình vệ tinh đã tác động mạnh mẽ đến công tác thư viện không chỉ là nơi lưu giữ và tổ chức, sử dụng tài liệu mà thật sự trở thành trung tâm thông tin mới đúng nghĩa của nó, cung cấp tri thức và các loại thông tin. [37]

1.2. Khái niệm, đặc điểm, nội dung và vai trò của quản lý nhà nước về thư viện

1.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước về thư viện

Khi xã hội loài người xuất hiện, nhu cầu tổ chức điều hành xã hội cũng hình thành như một yếu tố tất yếu lịch sử. Trong lịch sử, trình độ tính chất quản lý xã hội phát triển từ thấp tới cao theo sự tiến bộ xã hội - xã hội được quản lý tốt bằng cơ chế, biện pháp tiến bộ thì ổn định không ngừng phát triển và ngược lại.

Theo C.Mác thì quản lý (quản lý xã hội) là chức năng đặc biệt được sinh ra từ tính chất xã hội hóa lao động, nó có tầm quan trọng đặc biệt vì mọi sự phát triển của xã hội đều thông qua quản lý.

Quản lý được quan niệm theo 2 góc độ. Theo góc độ chính trị - xã hội rộng lớn thì quản lý được hiểu là sự kết hợp giữa tri thức với lao động - vận hành. Sự kết hợp này cần có một cơ chế quản lý hợp lý. Theo góc độ hành động, quản lý được hiểu là chỉ huy, điều khiển, điều hành. Quản lý được dùng rộng rãi cho quản lý nhà nước, quản lý hành chính nhà nước, quản lý trong lĩnh vực cụ thể, sản xuất kinh doanh,

văn hóa - xã hội, khoa học kỹ thuật... Như vậy quản lý là một yếu tố hết sức quan trọng không thể thiếu trong đời sống xã hội.

Quản lý đúng dẫn đến thành công, tồn tại, ổn định và phát triển bền vững, còn quản lý sai dẫn đến thất bại, suy thoái, lệ thuộc biến chất và đổ vỡ.

Quản lý Nhà nước hay còn gọi là quản lý hành chính nhà nước là hoạt động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước. Quản lý nhà nước là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực pháp luật của nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước.

Nhà nước quản lý bằng pháp luật, quyền lực nhà nước mang tính mệnh lệnh, đơn phương và tính tổ chức cao.

Hoạt động thư viện là một bộ phận cấu thành của xã hội nên được đặt dưới sự quản lý thống nhất của nhà nước; chủ động dựa vào nội lực là chính, đồng thời phát huy sức mạnh tổng hợp của các loại hình thư viện trong mối liên kết chặt chẽ, thúc đẩy nhau cùng phát triển nhanh chóng và hướng mọi hoạt động thư viện vào phục vụ những nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa của đất nước.

Quản lý nhà nước về thư viện là sự tác động có chủ đích, có định hướng của Đảng và nhà nước đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến công tác thư viện bằng quyền lực của nhà nước, thông qua pháp luật, chính sách, công cụ, môi trường, lực lượng vật chất và tài chính trên tất cả các mặt hoạt động của công tác thư viện, nhằm đảm bảo sự tăng cường các chức năng tư tưởng, thông tin khoa học, văn hóa, giáo dục và công tác thư viện, đảm bảo sự tăng cường liên tục các mục tiêu của nhà nước và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tài liệu trong xã hội.

1.2.2. Đặc điểm quản lý nhà nước về thư viện

Một là, nhà nước là người tổ chức và quản lý các hoạt động thư viện.

Xuất phát từ đặc trưng của nền kinh tế thị trường, sự phát triển kinh tế - xã hội có tính phức tạp, năng động, hoạt động thư viện đòi hỏi phải có một chủ thể có tiềm lực về mọi mặt để đứng ra tổ chức và điều hành, chủ thể ấy không ai khác chính là nhà nước – vừa là người quản lý, vừa là người tổ chức hoạt động du lịch. Để hoàn thành

sứ mệnh của mình, nhà nước phải đề ra pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch,... và sử dụng các công cụ này để tổ chức và quản lý hoạt động thư viện.

Hai là, hệ thống công cụ như pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch... phát triển thư viện là cơ sở, là những công cụ để nhà nước tổ chức và quản lý hoạt động thư viện.

Trong nền kinh tế thị trường, các hoạt động quan hệ kinh tế nói chung, hoạt động thư viện nói riêng diễn ra hết sức phức tạp với sự đa dạng về chủ thể, về hình thức tổ chức và quy mô hoạt động. Dù phức tạp thế nào đi chăng nữa, sự quản lý của nhà nước cũng phải đảm bảo cho hoạt động thư viện có tính tổ chức cao, ổn định, công bằng và có tính định hướng rõ rệt. Do đó, nhà nước phải ban hành các văn bản pháp luật mang tính chuẩn mực và dùng các công cụ này và sử dụng chúng như một công cụ hữu hiệu nhất để quản lý các hoạt động kinh tế - xã hội cũng như các hoạt động thư viện.

Ba là, quản lý nhà nước đối với hoạt động thư viện đòi hỏi phải có một bộ máy nhà nước mạnh, có hiệu lực, hiệu quả và một đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có trình độ, năng lực thật sự.

Quản lý nhà nước đối với hoạt động thư viện phải tạo được những cân đối chung, điều tiết được thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho mọi hoạt động thư viện phát triển. Và để thực hiện tốt điều này thì tổ chức bộ máy và đội ngũ quản lý nhà nước không thể khác hơn là phải được tổ chức thống nhất, đồng bộ, có hiệu quả từ trung ương đến địa phương.

1.2.3. Nội dung quản lý nhà nước về thư viện

Ở nước ta, Nhà nước luôn thể hiện vai trò trong việc quản lý thư viện. Quản lý nhà nước về thư viện cũng như bất kỳ một dạng quản lý xã hội nào khác, là dạng quản lý công vụ quốc gia của bộ máy Nhà nước – là công việc của bộ máy hành pháp. Nó là sự tác động có tổ chức được điều chỉnh bằng pháp luật, trên cơ sở quyền lực nhà nước đối với các quá trình xã hội và hoạt động thư viện do các cơ quan có thẩm quyền trong hệ thống hành pháp từ trung ương đến cơ sở tiến hành để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của nhà nước, phát triển các mối quan hệ xã hội.

Thư viện là một thiết chế quan trọng của ngành văn hóa thông tin, nhằm phục vụ nhu cầu tinh thần của người dân.

Chúng ta đang xây dựng một nhà nước pháp quyền, trong đó mọi quan hệ về quyền và nghĩa vụ của công dân được bảo đảm và điều tiết bằng pháp luật, với tư cách là một bộ phận cấu thành trong lực lượng sản xuất, tổ chức và hoạt động của các thư viện tất yếu chịu sự chi đạo của hệ thống pháp chế ấy. Vì thế, biểu hiện tập trung ở sự thể chế hóa những chủ trương, chính sách lớn bằng pháp luật, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển sự nghiệp thư viện, trên cơ sở hệ thống luật và các văn bản dưới luật là nội dung quan trọng của quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

Căn cứ theo *PLTV số 31/2000/PL-UBTVQH10 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 28 tháng 12 năm 2000*, nội dung quản lý nhà nước về thư viện bao gồm:

Thứ nhất, ban hành văn bản quản lý nhà nước về thư viện

Văn bản quản lý là phương tiện để xác định và vận dụng các chuẩn mực pháp lý vào quá trình quản lý nhà nước. *“Công tác xây dựng văn bản quản lý là một trong những biểu hiện quan trọng của hoạt động này. Văn bản quản lý luôn phản ánh những nét chung của quá trình quản lý Nhà nước, phản ánh đặc điểm pháp lý của quá trình đó”*. [33, tr.44]

Để thể chế hoá những quy định của pháp luật về công tác văn hoá nói chung và ngành thư viện nói riêng, các cơ quan trong hệ thống hành pháp và quản lý hành chính các bộ đã ban hành các văn bản dưới luật thuộc phạm trù pháp quy về công tác thư viện làm cho nghị quyết của Đảng và những điều quy định của hiến pháp có tính khả thi và thâm nhập vào đời sống xã hội.

Việc xây dựng các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động thư viện cần được chuẩn bị, điều tra nghiên cứu trên cơ sở khoa học, thực tiễn, đi đúng đường lối văn hoá, văn nghệ của Đảng, nhà nước. Việc tham khảo kinh nghiệm của các đồng nghiệp trong khu vực, thế giới cũng cần được chú ý. Đồng thời các văn bản pháp luật này phải tạo thành một hệ thống đồng bộ, tạo nên sức mạnh thúc đẩy sự nghiệp thư viện đất nước phát triển nhanh chóng.

Khi ban hành hệ thống các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của thư viện, một điều hết sức quan trọng là chỉ đạo, thực hiện các văn bản pháp luật đó, để thực sự có hiệu quả và sớm đi vào cuộc sống, làm đòn bẩy cho hoạt động thư viện phát triển.

Pháp luật thư viện ở nước ta là phương tiện thể chế hóa đường lối lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực thư viện, làm cho đường lối đó có hiệu lực thực thi và bắt buộc chung trên quy mô toàn xã hội.

Pháp luật thư viện quy định các điều kiện vật chất, tinh thần, nghĩa vụ và trách nhiệm của nhà nước trong việc hướng dẫn, giúp đỡ, tổ chức cho nhân dân thực hiện quyền, nghĩa vụ, bổn phận của công dân trong hoạt động thư viện. Pháp luật còn quy định những biện pháp nhằm ngăn chặn, trừng trị những hành vi xâm phạm đến quyền của công dân được sử dụng thư viện, vốn tài liệu, các dịch vụ của thư viện.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương V về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, để tăng cường sự quản lý nhà nước, đảm bảo cho sự nghiệp thư viện Việt Nam phát triển theo đúng định hướng của Đảng, phù hợp với xu thế chung của thế giới, đặc biệt để các thư viện đáp ứng tốt nhất các yêu cầu “công nghiệp hóa, hiện đại hóa” đất nước, nhà nước ta đã ban hành PLTV. Đến thời điểm hiện tại, PLTV là văn bản pháp lý cao nhất đối với hoạt động thư viện, được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa X thông qua ngày 28 tháng 12 năm 2000 và có hiệu lực từ 01 tháng 04 năm 2001 mang ý nghĩa to lớn đối với ngành thư viện Việt Nam.

PLTV đã tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng, giúp các cơ quan nhà nước và chính quyền các cấp, các ngành ban hành các văn bản pháp quy hướng dẫn và cụ thể hóa những nội dung quy định trong PLTV, từ đó thúc đẩy sự phát triển của thư viện Việt Nam và tạo niềm tin, động lực cho những người làm công tác thư viện. Đồng thời PLTV đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan trung ương và địa phương có liên quan đầu tư, tạo điều kiện hơn nữa cho sự nghiệp thư viện.

PLTV ban hành nhằm xác lập những nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của thư viện Việt Nam; xác định quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong

hoạt động thư viện, nhiệm vụ và quyền hạn của thư viện, của người làm công tác thư viện; trách nhiệm của nhà nước trong lĩnh vực thư viện, đảm bảo cho sự phát triển thư viện Việt Nam phát triển đáp ứng giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam.

Có thể nói việc PLTV được ban hành là một sự kiện quan trọng đối với những người làm công tác thư viện Việt Nam vì lần đầu tiên, họ có một văn bản pháp lý chính chức cho hoạt động.

Thứ hai, tổ chức thực hiện văn bản quản lý nhà nước về thư viện

Xây dựng, chỉ đạo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các loại hình thư viện là vấn đề cơ bản trong công tác quản lý nhà nước của ngành thư viện. Trong vai trò quản lý vĩ mô phát triển sự nghiệp thư viện, cần phân định những phương hướng ưu tiên của quốc gia trong từng thời kỳ xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển sự nghiệp thư viện, xem đó là căn cứ và nội dung hợp thành, gắn bó hữu cơ trong kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Kế hoạch phát triển sự nghiệp thư viện phải dựa vào Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của nhà nước trong thời kỳ cụ thể, phải xây dựng kế hoạch chiến lược cho giai đoạn dài và kế hoạch ngắn hạn.

Kế hoạch, quy hoạch phát triển sự nghiệp thư viện phải được thẩm nhuận, xuyên suốt trong từng bộ phận hợp thành của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Các kế hoạch và định hướng lớn này được cụ thể hoá trong chương trình, mục tiêu văn hoá trọng điểm.

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ những người làm công tác thư viện cũng là một trong những biểu hiện nhà nước lãnh đạo sự nghiệp thư viện ở nước ta.

Mọi hoạt động thông tin thư viện đều gắn liền với người cán bộ thư viện. N.c. Crupxcaia đã từng chỉ rõ: *“Cán bộ Thư viện chính là linh hồn của công tác Thư viện”* [44, tr.20, 21]. Do đó, đánh giá chất lượng của hoạt động thông tin Thư viện thực chất là đánh giá trình độ tay nghề, khả năng thích ứng của người cán bộ thông tin thư viện trong việc phát huy hiệu quả sử dụng thư viện trong xã hội.

Quần chúng lao động ngày càng tìm đến vốn tài liệu phong phú của thư viện, đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ thư viện giỏi tay nghề để giúp đỡ họ lựa chọn tài liệu, hướng dẫn đọc. Kinh nghiệm các nước tiên tiến cho thấy, mặc dù thư viện ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thư viện rất hiệu quả nhưng không thể thay thế được vai trò chủ đạo của cán bộ thư viện.

Hiện nay, chúng ta đang chứng kiến cuộc cách mạng thông tin đang diễn ra trên phạm vi toàn thế giới. Nó đang trực tiếp làm thay đổi hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội của các nước trên thế giới, đưa loài người chuyển sang một xã hội mới - xã hội thông tin, một xã hội dựa trên việc sản xuất, phổ biến, truy nhập và sử dụng thông tin một cách rộng rãi. Trong bối cảnh đó, hoạt động thông tin - thư viện đứng trước một thách thức lớn: Làm thế nào để đáp ứng được nhu cầu thông tin ngày càng cao của xã hội?; Sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin và kỹ thuật viễn thông đang tác động mạnh mẽ hoạt động Thông tin - Thư viện, nơi có nhiều ưu thế và thuận lợi trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc xử lý, lưu giữ, phổ biến rộng rãi thông tin tài liệu sách báo.

Trong điều kiện hiện nay, việc trang bị vốn ngoại ngữ cần thiết cho đội ngũ cán bộ thư viện phải được ưu tiên giải quyết và phải có bước đi vững chắc, cụ thể. Cần có chế độ khuyến khích tinh thần vật chất cho những người có trình độ ngoại ngữ khá, sử dụng có hiệu quả trong công tác. Do đó trong nội dung quản lý nhà nước, ngành thư viện phải chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho những người làm công tác thư viện nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác Thông tin - Thư viện hiện nay.

Trong sự nghiệp đổi mới của đất nước, thư viện – cơ quan văn hóa giáo dục và thông tin khoa học ngày càng chiếm vị trí quan trọng. Vấn đề nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động thông tin – thư viện là mối quan tâm hàng đầu của những người làm công tác thư viện Việt Nam. Bởi vậy tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ trong lĩnh vực thư viện là một trong những nội dung quan trọng của quản lý nhà nước về thư viện; phải xác định những phương hướng, đề tài

chủ yếu của công tác nghiên cứu khoa học thông tin - thư viện về xây dựng sự nghiệp thư viện trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay.

Để đảm bảo phát triển số lượng thư viện phù hợp tình hình kinh tế xã hội đất nước, phân bố hợp lý, cân đối trên các vùng lãnh thổ và để quản lý tốt nội dung hoạt động của các loại hình thư viện ngày càng đa dạng, đi đúng đường lối chính sách của Đảng và nhà nước, thì việc tổ chức thành lập thư viện có quyền quyết định chia tách, sát nhập, giải thể thư viện hoặc thay đổi nội dung hoạt động cũng là vấn đề quan trọng. Khi chia tách, sát nhập thư viện, tổ chức thành lập thư viện phải làm lại thủ tục đăng ký hoạt động là điều kiện cần thiết. Việc này đòi hỏi mỗi tổ chức muốn thành lập mới một thư viện phải tuân thủ những thủ tục, tiêu chuẩn, điều kiện do cơ quan quản lý thư viện ban hành.

Trong bối cảnh phát triển và hội nhập - hợp tác quốc tế về thư viện, việc quản lý hợp tác quốc tế về thư viện là điều cần thiết phù hợp với thực tế khách quan hiện nay.

Chúng ta đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế về thư viện theo hướng hợp tác và hội nhập với thế giới bên ngoài; nghiên cứu áp dụng những kinh nghiệm tiên tiến nước ngoài trong lĩnh vực tổ chức hoạt động thông tin – thư viện, tuân thủ những chuẩn quốc tế trong nghiệp vụ để dễ dàng trao đổi thông tin; với quan điểm công nghệ thông tin thư viện đóng vai trò chủ đạo trong phát triển thông tin thư viện. Đây là một kênh quan trọng để trao đổi thu thập tài liệu nước ngoài vào Việt Nam.

Chúng ta *“tranh thủ mọi nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trên lĩnh vực thông tin Thư viện thông qua sự tham gia các tổ chức, các chương trình dự án, các hoạt động hợp tác quốc tế liên quan đến công tác thư viện”* [26, tr.223] để phát triển sự nghiệp thư viện. Trong lĩnh vực này, điều quan trọng nhất là thông qua sự tham gia tích cực trong Hiệp hội thư viện quốc tế, ngành thư viện chúng ta cần mở rộng quan hệ hợp tác với các hội, cơ quan thư viện trong khu vực và trên thế giới. Để đạt hiệu quả cao, chúng ta cần có điều tra, nghiên cứu, vạch ra chiến lược, kế hoạch hợp tác, trong đó ưu tiên các nước trong khu vực ASEAN và các nước có sự nghiệp thư viện phát triển hoặc tương đồng.

Thông qua công tác thi đua khen thưởng, các thư viện sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của Đại hội Đảng các cấp đề ra và kế hoạch công tác của ngành, cơ quan mình. Điều quan trọng là lãnh đạo ngành thư viện phải nhạy bén với tình hình hoạt động của ngành trong từng thời kỳ để tổ chức các hoạt động thi đua phù hợp cùng với việc thi đua thường xuyên dành danh hiệu đơn vị xuất sắc hoặc thường cò luân lưu... Ngoài việc đề ra các chỉ tiêu cụ thể về số lượng cần chú ý đến chất lượng công tác về hiệu quả phục vụ sách báo cho nhân dân, phục vụ các nhiệm vụ chính trị của đất nước trong thời kỳ mới.

Tổ chức chỉ đạo tốt công tác này sẽ động viên khuyến khích những đơn vị tập thể thư viện và cá nhân hoạt động xuất sắc trong lĩnh vực thư viện, kịp thời tuyên dương những tập thể và cá nhân ngành thư viện trong tổ chức và hoạt động thư viện đạt hiệu quả cao, phát huy sức mạnh nội lực của cá nhân và tập thể thư viện trong việc xây dựng và phát triển sự nghiệp thư viện.

Thứ ba, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong quản lý nhà nước về thư viện

Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong quản lý nhà nước về thư viện là một bộ phận rất nhỏ nằm trong công tác thanh tra nói chung, góp phần giúp cho các cơ quan cấp trên và các lãnh đạo nắm được khả năng thực chất của ngành mình, của thư viện mình, nhằm động viên kịp thời những việc làm tốt, phát hiện các sai sót khuyết điểm của hệ thống thư viện trong quá trình hoạt động, từ đó đề ra giải pháp xử lý, đồng thời tìm kiếm các cơ hội, các nguồn lực để có thể khai thác, hỗ trợ, thúc đẩy hệ thống thư viện sớm đạt mục tiêu nhất định. Thanh tra kiểm tra nhằm thúc đẩy thực hiện các quyết định về nhiều lĩnh vực, để khẳng định sự đúng đắn của đường lối, phát triển thư viện; thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu chiến lược phát triển các thư viện.

Ở từng thư viện, bộ phận thanh tra được tập thể cán bộ thư viện bầu ra trong đại hội công nhân viên chức, có nhiệm vụ giám sát các hoạt động của thư viện và đặc biệt là giải quyết các đơn từ khiếu nại kiện tụng.

Nghị định của Chính phủ số 56/2006/NĐ-CP ngày 06/06/2006 đã có quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa - thông tin.

Thanh tra nhà nước văn hóa thông tin thực hiện chức năng thanh tra nhà nước về thư viện.

Nội dung thanh tra về thư viện bao gồm:

Thanh tra việc thực hiện chức năng nhiệm vụ và hoạt động của thư viện, kế hoạch phát triển thư viện, các chương trình mục tiêu văn hóa, các dự án phát triển ngành thư viện.

Thanh tra việc thi hành pháp luật và các chính sách nhà nước về thư viện: Tiến hành các biện pháp kiểm tra hoạt động thực tế của thư viện; Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem xét xử lý các vi phạm; Người đứng đầu thư viện và cơ quan chủ quản của thư viện có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu chính đảng của thanh tra; có quyền khiếu nại về những kết luận và xử lý của thanh tra theo quy định của pháp luật.

1.2.4. Vai trò của quản lý nhà nước về thư viện

Thứ nhất, nhà nước thực hiện chức năng hoạch định để định hướng hoạt động thư viện bao gồm các nội dung cơ bản là hoạch định chiến lược, kế hoạch phát triển thư viện, phân tích và xây dựng các chính sách thư viện, quy hoạch và định hướng chiến lược phát triển thị trường, xây dựng hệ thống pháp luật có liên quan tới thư viện. Xác lập các chương trình, dự án cụ thể hóa chiến lược, đặc biệt là các lộ trình hội nhập khu vực và quốc tế.

Nhà nước thiết lập khuôn khổ pháp lý thông qua việc ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thư viện, tạo ra môi trường pháp lý cho hoạt động thư viện.

Chức năng hoạch định giúp cho các thư viện có phương hướng hình thành phương án chiến lược, nó giúp tạo môi trường hoạt động, vừa cho phép nhà nước có thể kiểm soát hoạt động của các thư viện và các chủ thể của thư viện.

Thứ hai, nhà nước bằng việc tạo lập các cơ quan và hệ thống tổ chức quản lý về thư viện, sử dụng bộ máy này để hoạch định các chiến lược, quy hoạch, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật,... đồng thời sử dụng sức mạnh của bộ máy tổ chức để thực hiện những vấn đề thuộc về quản lý nhà nước, nhằm đưa chính sách

phù hợp về thư viện vào thực hiện, biến quy hoạch, kế hoạch thành hiện thực, tạo điều kiện cho hoạt động thư viện phát triển.

Trong lĩnh vực quốc tế, chức năng này được thể hiện ở sự phối hợp giữa các quốc gia có quan hệ song phương hoặc trong cùng một khối kinh tế-xã hội, nhằm đa dạng hóa phương thức quan hệ hợp tác quốc tế trong thư viện, đạt tới các mục tiêu và đảm bảo thực hiện các cam kết đã ký kết.

Tổ chức và quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực thư viện, nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, bảo vệ tài nguyên tư liệu, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc trong hoạt động thư viện.

Thứ ba, có thể nói rằng, thư viện là một hiện tượng của xã hội tác động và chi phối ngày càng sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong hoạt động lãnh đạo và quản lý kinh tế - xã hội, thư viện cũng là phương tiện và cũng là phương thức lợi hại, nếu biết sử dụng thì công năng sẽ đặc biệt hữu dụng. Do đó, quản lý nhà nước về thư viện là đòi hỏi tất yếu khách quan, là nguyên tắc và phương thức bắt buộc để huy động tối đa năng lực tác động của thư viện – thông tin vào mục đích phát triển đất nước.

Quản lý nhà nước về thư viện là làm cho sức mạnh của thư viện được phát huy cao nhất, để thư viện tập trung nguồn lực và mọi cố gắng vào phục vụ mục đích phát triển đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; là tạo mọi điều kiện cho thư viện phát triển và phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Thứ tư, nhà nước giám sát hoạt động của mọi chủ thể thư viện cũng như chế độ quản lý của các chủ thể đó, cấp và thu hồi giấy phép trong hoạt động thư viện.

Nhà nước phát hiện những lệch lạc, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thư viện, từ đó đưa ra các quyết định điều chỉnh thích hợp nhằm tăng cường hiệu quả của quản lý nhà nước về hoạt động thư viện.

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về thư viện

1.3.1. Yếu tố chính trị

Chính trị là một thành tố hết sức quan trọng của kiến trúc thượng tầng xã hội. Chính trị là một khái niệm rộng và phức tạp. Theo Từ điển Tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học: *“Chính trị là những vấn đề về tổ chức và điều khiển bộ máy nhà nước trong nội bộ một nước và về quan hệ chính thức giữa các nước với nhau; hay là những hoạt động của một giai cấp, một chính đảng, một tập đoàn xã hội nhằm giành hoặc duy trì quyền điều khiển bộ máy nhà nước”*. [45, tr. 163]

Dù quan niệm như thế nào, về mặt bản chất, chính trị là hoạt động liên quan đến quyền lợi giai cấp, đến chính quyền nhà nước. Vấn đề cơ bản nhất trong chính trị là chính quyền, là thực hiện quyền lực nhà nước. Thể chế chính trị luôn giữ vai trò định hướng, chi phối toàn bộ các hoạt động trong xã hội. Hệ thống pháp luật được xây dựng trên nền tảng của hệ thống chính trị. Chính trị giữ vai trò chỉ đạo đối với nội dung và phương hướng phát triển của pháp luật.

Chính vì thế, yếu tố chính trị có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quản lý nhà nước về thư viện ở Việt Nam. Nó tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến xã hội trên nhiều phương diện. Trong lĩnh vực văn hóa, tư tưởng, phát triển con người, chính trị có vai trò vô cùng to lớn. Với tư cách là sản phẩm của lịch sử, con người luôn mang trong nó những đặc trưng, dấu ấn của thời đại mà nó đang sống, đồng thời chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các thể chế chính trị - xã hội nhất định.

Cụ thể ở Việt Nam, cơ sở chính trị của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ nhất nguyên. Tính nhất nguyên chính trị được thể hiện trong việc khẳng định vai trò lãnh đạo của một đảng duy nhất cầm quyền ở Việt Nam – Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là điều kiện có ý nghĩa tiên quyết đối với quản lý nhà nước về thư viện ở Việt Nam. Nội dung quản lý nhà nước về thư viện ở Việt Nam phải phù hợp và thể chế hóa quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng và phát triển thư viện.

1.3.2. Yếu tố kinh tế

Hiểu theo nghĩa rộng, yếu tố kinh tế bao gồm tổng thể các điều kiện về kinh tế với hệ thống các chính sách kinh tế, chính sách xã hội cũng như quá trình triển khai thực hiện, áp dụng chúng trong thực tiễn đời sống xã hội.

Mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng, thường nhấn mạnh đến vai trò quyết định của yếu tố kinh tế, của sản xuất vật chất đối với sự phát triển các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. C.Mác đã phát hiện ra quy luật chung, cơ bản của lịch sử: Hoạt động sản xuất vật chất, hoạt động kinh tế là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của mỗi xã hội. Sự sản xuất xã hội bao gồm sản xuất vật chất, sản xuất tinh thần và sản xuất ra bản thân con người. Ba quá trình này không tách biệt nhau mà liên hệ rất mật thiết, trong đó sản xuất vật chất, hoạt động kinh tế là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của xã hội, của con người và xét đến cùng, quy định toàn bộ sự vận động và biến đổi đời sống xã hội.

Quản lý nhà nước về thư viện ở Việt Nam hiện nay cũng không nằm ngoài quy luật đó. Kinh tế phát triển, nguồn thu ngân sách nhà nước ngày càng tăng cũng là động lực rất quan trọng thúc đẩy quản lý nhà nước đối với thư viện.

Điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước có ảnh hưởng rất lớn tới việc xây dựng và ban hành thể chế quản lý nhà nước đối với thư viện. Chất lượng quản lý nhà nước đối với thư viện phản chiếu tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Kinh tế - xã hội càng phát triển, mức độ đầu tư cho quản lý nhà nước đối với thư viện càng lớn và ngược lại, mức độ đầu tư cho quản lý nhà nước đối với thư viện càng lớn sẽ thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Với nguồn lực kinh tế đủ mạnh, nhà nước có điều kiện hơn để đầu tư cho các thư viện. Chính sách đãi ngộ đối với người làm công tác thư viện (chế độ lương, phụ cấp độc hại...) nhờ đó cũng gia tăng. Việc mua sắm trang thiết bị điện tử, máy móc... sẽ được chú trọng hơn. Điều đó có tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước về thư viện.

Như vậy, hiệu quả quản lý nhà nước về thư viện phản chiếu tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Kinh tế - xã hội càng phát triển, mức độ đầu tư cho

quản lý nhà nước về thư viện càng lớn và ngược lại, mức độ đầu tư cho quản lý nhà nước về thư viện càng lớn sẽ thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

1.3.3. Yếu tố văn hóa – xã hội

Văn hoá là hiện tượng xã hội gắn liền với hoạt động của con người. Văn hoá được biểu thị như là phương thức hoạt động bao gồm toàn bộ các sản phẩm vật chất và tinh thần cũng như năng lực phát triển của chính bản thân con người. Văn hóa là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra.

Hiện nay có nhiều quan niệm khác nhau về văn hóa. Theo nghĩa rộng nhất, văn hoá là toàn bộ những gì do con người sáng tạo ra. Theo nghĩa thông thường, văn hóa được hiểu là trình độ nhận thức, học vấn, lối sống, đạo đức, nhân cách, trí tuệ con người. Các yếu tố văn hóa thường thuộc về một môi trường văn hóa - xã hội nhất định và gắn liền với một phạm vi không gian - xã hội nhất định, nơi các cá nhân và cộng đồng xã hội tổ chức các hoạt động sống, lao động, sinh hoạt, cùng nhau tạo dựng, thừa nhận và chia sẻ các giá trị văn hóa.

Các yếu tố văn hóa - xã hội có ảnh hưởng tới quản lý nhà nước về thư viện ở nước ta hiện nay bao gồm: các giá trị văn hóa truyền thống, văn hóa pháp luật, các phong tục, tập quán trong xã hội, dư luận xã hội... Các yếu tố nêu trên, ở chừng mực khác nhau, tác động đến quá trình tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước về thư viện ở cả những khía cạnh tác động tích cực và cả những tác động tiêu cực.

Văn hóa truyền thống là tổng thể những giá trị vật chất và giá trị tinh thần do cộng đồng các dân tộc Việt Nam sáng tạo ra trong quá trình dựng nước và giữ nước. Văn hóa Việt Nam đã tiếp thu những giá trị tiến bộ từ bên ngoài, đồng thời vẫn giữ gìn và phát huy được bản sắc văn hóa của mình. Đó chính là chủ nghĩa yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tinh thần đoàn kết, tính cộng đồng, tinh thần ham học hỏi... Những yếu tố văn hóa này, nếu biết cách khơi gợi, khích lệ hợp lý sẽ có tác dụng tích cực đối với hoạt động quản lý nhà nước về thư viện. Và ngược lại, tính truyền thống “bảo thủ” đôi khi sẽ là nhân tố cản trở trong việc tiếp thu những thành tựu mới, gây khó khăn cho quản lý nhà nước về thư viện.

1.3.4. Yếu tố pháp luật

Sự ảnh hưởng của yếu tố pháp luật đến quản lý nhà nước về thư viện thể hiện trước hết ở chất lượng xây dựng và ban hành pháp luật quản lý thư viện. Việc xây dựng, ban hành văn bản pháp luật một cách khoa học, hợp lý thì sẽ có văn bản có chất lượng, có hiệu quả và hiệu lực để thực thi chính sách một cách đúng đắn, góp phần quan trọng vào việc điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực thư viện.

Nhờ chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng và sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, hệ thống thư viện Việt Nam trong những năm qua đã phát triển một cách nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Trong quá trình quản lý, các cơ quan quản lý nhà nước về thư viện thực hiện nhiệm vụ ban hành văn bản, quy định hướng dẫn về thư viện, đây là cơ sở cho việc tổ chức thực hiện hoạt động thư viện. Thực tiễn cho thấy, hệ thống khung khổ về pháp luật thư viện bao gồm PLTV, các nghị định, thông tư và các quyết định quy định về thư viện không phải bao giờ cũng bao quát được các vấn đề phát sinh liên quan đến thư viện trong thực tế. Việc giải quyết các vấn đề, tùy thuộc vào từng tình huống cụ thể để áp dụng luật và các văn bản có liên quan, tuy nhiên, cũng có những tình huống nằm ngoài phạm vi hoặc chưa được quy định trong luật, do đó, cần phải có văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý về thư viện.

Do vậy, việc ban hành văn bản và các quy định hướng dẫn về thư viện của cơ quan quản lý nhà nước về thư viện là một yếu tố có ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về thư viện. Yếu tố này đòi hỏi phải có tính chính xác và tính kịp thời, nếu một vấn đề phát sinh liên quan đến thư viện không được hướng dẫn giải quyết chính xác thì nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng. Ngoài ra, nếu vấn đề mang tính chất cấp bách mà không được giải quyết kịp thời thì cũng đem lại hậu quả không mong muốn.

Trong thời gian qua, Quốc hội và Chính phủ ban hành nhiều văn bản, chính sách quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội trong đó có lĩnh vực thư viện. Việc ban hành các văn bản pháp luật về thư viện và các văn bản hướng dẫn thi hành là cơ sở cho các cơ quan chức năng của nhà nước trong việc xử lý các thủ tục hành chính về thành lập thư viện cho các tổ chức.

Hệ thống pháp lý có cụ thể, rõ ràng, hợp lý, dễ hiểu, dễ thực hiện thì cả người quản lý và người bị quản lý mới biết được những việc mình làm, tránh sai sót đáng tiếc.

1.3.5. Bộ máy quản lý nhà nước về thư viện

Bộ máy quản lý là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về thư viện. Việc tổ chức tốt một bộ máy triển khai có tính quyết định đến việc thực thi và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Hiện nay, ở cấp Trung ương nước ta có bộ máy đầu mối, chuyên trách về thực hiện công tác quản lý nhà nước về thư viện là BVHTTDL (thông qua Vụ thư viện làm việc trực tiếp). Vụ thư viện trước kia là một phòng trong Vụ Thư viện – Câu lạc bộ, rồi Vụ Văn hóa quần chúng (từ 1958 – 1978) và phòng quản lý sự nghiệp nằm trong TVQG Việt Nam (từ 1978 – 1985).

Do tình hình phát triển của sự nghiệp thư viện đòi hỏi phải có một tổ chức độc lập chăm lo, quản lý công tác này, nên cuối năm 1985 Cục Thư viện trực thuộc BVHTT được thành lập. Sau một thời gian (từ 1985 - 1988) 3 năm, Cục Thư viện lại chuyển đổi thành Vụ Thư viện (1989-1990). Từ 1990-1993 Vụ Thư viện sát nhập với Vụ Văn hoá quần chúng và thư viện.

Trước sự đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp phát triển thư viện, trước yêu cầu thực tiễn về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thư viện. Năm 1993 Vụ Thư viện tách khỏi Vụ Văn hoá quần chúng và thư viện, trở thành Vụ Thư viện.

Liên tục từ đó đến nay mặc dù về tổ chức có lúc tách lúc nhập nhưng Vụ Thư viện luôn là cơ quan chức năng giúp cho Bộ Văn hoá - Thông tin thực hiện việc quản lý nhà nước về thư viện và hướng dẫn phát triển sự nghiệp thư viện trong cả nước theo đúng đường lối của Đảng và pháp luật của nhà nước.

Ngày 31 tháng 3 năm 2008 BVHTTDL ra Quyết định số 26/2008/QĐ-BVHTTDL quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Thư viện. Quyết định này đã xác định rõ vị trí, trách nhiệm quản lý nhà nước của Vụ Thư viện trực tiếp đối với hệ thống thư viện Việt Nam.

Vụ Thư viện là cơ quan chức năng giúp BVHTT thực hiện quản lý nhà nước về thư viện và hướng dẫn phát triển sự nghiệp thư viện theo đúng đường lối của Đảng và pháp luật của nhà nước.

Nhiệm vụ quản lý nhà nước của Vụ Thư viện đối với hệ thống thư viện Việt Nam được thể hiện trong những nội dung cơ bản sau đây:

- 1. Trình Bộ trưởng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về thư viện.*
- 2. Trình Bộ trưởng chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn và hàng năm về thư viện.*
- 3. Trình Bộ trưởng ban hành quyết định, chỉ thị, thông tư về thư viện*
- 4. Trình Bộ trưởng ban hành các tiêu chuẩn, quy định về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện, quy chế mẫu về tổ chức và hoạt động thư viện và chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện sau khi được ban hành.*
- 5. Quy định điều kiện thành lập, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện đăng ký hoạt động thư viện của các địa phương; cấp Giấy chứng nhận đã đăng ký hoạt động thư viện đối với TVQG Việt Nam, thư viện của các cơ quan, tổ chức cấp trung ương theo uỷ quyền của Bộ trưởng.*
- 6. Tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thư viện.*
- 7. Tham gia thẩm định nội dung các chương trình, dự án đầu tư phát triển, hỗ trợ cho hoạt động thư viện và tổ chức thực hiện theo phân công của Bộ trưởng.*
- 8. Xây dựng phương hướng, kế hoạch hợp tác quốc tế về thư viện; quy định việc hợp tác, trao đổi tài liệu giữa thư viện trong nước với thư viện nước ngoài.*
- 9. Tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ người làm công tác thư viện.*
- 10. Giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước nội dung hoạt động của các hội, tổ chức phi Chính phủ về lĩnh vực thư viện theo quy định của pháp luật.*
- 11. Tổ chức công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động thư viện theo phân cấp của Bộ và quy định của pháp luật.*

12. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch về thư viện đã được phê duyệt; phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực thư viện theo quy định của pháp luật; tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về thư viện.

13. Thực hiện cải cách hành chính; quản lý công chức; thực hiện chính sách, chế độ đối với công chức thuộc phạm vi quản lý của đơn vị; quản lý tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.” [8]

Trong các nội dung trên, có những phần nghiệp vụ đặc thù Vụ Thư viện giữ vai trò phối hợp cộng tác.

Vấn đề thanh tra về thư viện chủ yếu do Thanh tra nhà nước về văn hóa thông tin đảm nhận, hoạt động tài chính do Vụ Tài chính Kế toán và Sở tài chính theo dõi.

Vụ Thư viện phối hợp chặt chẽ với TVQG Việt Nam trong quản lý nghiệp vụ: TVQG Việt Nam là cơ quan chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn, nghiên cứu soạn thảo các văn bản hướng dẫn kỹ thuật nghiệp vụ, chỉ đạo toàn hệ thống thư viện thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước, Vụ Thư viện và TVQG Việt Nam đều có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, thúc đẩy sự nghiệp thư viện phát triển. Vụ Thư viện trực tiếp giúp BVHTTDL quản lý nhà nước hệ thống thư viện. [8]

Việc tổ chức bộ máy chuyên trách trong công tác quản lý nhà nước về thư viện là thực sự cần thiết, đây là cơ quan đảm nhận chức năng nghiên cứu, tham mưu cho Nhà nước các cơ chế, chính sách về thư viện như xây dựng văn bản pháp luật về thư viện, đề xuất việc tổ chức bộ máy thư viện tại địa phương, kiến nghị cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan và xây dựng quy định về kiểm tra, giám sát, tổ chức hướng dẫn thực hiện công tác thư viện cho các địa phương.

1.3.6. Yếu tố con người

Con người luôn là một nhân tố quan trọng, quyết định đến hiệu quả quản lý nhà nước về thư viện. Đồng thời, trong yếu tố con người, trước hết phải kể đến sự ảnh

hưởng tác động của lực lượng cán bộ, công chức, viên chức ngành thư viện – nhân tố cấu thành bộ máy quản lý nhà nước về thư viện.

Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về thư viện là những người trực tiếp tham gia xây dựng các văn bản pháp luật về thư viện. Năng lực, trình độ của các cán bộ là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng các văn bản pháp luật về thư viện. Do đó, đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý đòi hỏi phải có tư duy khoa học, khả năng nghiên cứu và am hiểu các văn bản chính sách pháp luật của nhà nước, có kinh nghiệm thực tế.

Bên cạnh đó, ngoài việc tự nghiên cứu, học tập, bổ sung kiến thức thì trong quá trình công tác, đội ngũ cán bộ công chức nhà nước phải thường xuyên được kiểm tra, đánh giá lại năng lực và trình độ chuyên môn. Trên cơ sở đó, cơ quan quản lý cử các cán bộ công chức tham gia các khóa đào tạo, tập huấn để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và tổ chức các chương trình tọa đàm, trao đổi nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tế.

Cùng với việc tự nghiên cứu, bổ sung kiến thức thì đội ngũ cán bộ công chức cũng phải tự rèn luyện, tu dưỡng bản thân, nâng cao bản lĩnh chính trị để không thể hiện ý chí chủ quan, không cửa quyền, tham ô, tham nhũng trong công việc.

Như vậy, năng lực, trình độ của các cán bộ công chức là yếu tố quan trọng góp phần thành công vào công tác quản lý nhà nước về thư viện, do vậy, việc đào tạo con người nói chung hay đội ngũ cán bộ công chức nói riêng cần được quan tâm, chú trọng.

Dưới góc độ quản lý nhà nước về thư viện, chính đội ngũ cán bộ, công chức trong bộ máy hành chính nói chung và lực lượng cán bộ, công chức, viên chức ngành thư viện nói riêng sẽ quyết định đến chất quản lý nhà nước về thư viện. Bởi lẽ chính họ là nơi khởi nguồn của các sáng kiến lập pháp và triển khai trên thực tế các chính sách, quy định pháp luật. Vì vậy, nếu đội ngũ công chức, viên chức ngành thư viện có trình độ, kỹ năng và am hiểu pháp luật về thư viện thì quản lý nhà nước về thư viện sẽ có chất lượng và ngược lại.

1.3.7. Yếu tố hội nhập

Ở nước ta, những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra những thế và lực mới cả bên trong lẫn bên ngoài để chúng ta bước vào một thời kỳ phát triển mới. Vị thế Việt Nam ngày càng được củng cố và khẳng định trên chính trường quốc tế và cũng là tiền đề cần thiết cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Quan hệ đối ngoại của nước ta hiện nay với các nước, các tổ chức quốc tế và vùng lãnh thổ được mở rộng hơn bao giờ hết. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay xu thế hoà bình, ổn định, độc lập, hợp tác để phát triển là xu thế chung đó chính là thời cơ lớn.

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, việc thực hiện đường lối đối ngoại với phương châm độc lập, tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế trên tinh thần chủ động, sẵn sàng hội nhập, sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy đã góp phần đưa nước ta thoát khỏi khủng hoảng về kinh tế và sự bao vây, cấm vận kéo dài trong nhiều thập kỷ. Quá trình hội nhập ngoài việc tăng vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, chúng ta cũng đã thu hút được một số lượng đáng kể vốn đầu tư nước ngoài và viện trợ phát triển chính thức quốc tế; tiếp thu những thành tựu mới về khoa học, công nghệ cũng như kinh nghiệm và kỹ năng quản lý. Xây dựng một đội ngũ công chức, viên chức nhà nước từng bước thích ứng với điều kiện và môi trường mới tạo tiền đề để tham gia một cách tích cực hơn, chủ động hơn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế những năm tiếp theo.

Quản lý nhà nước về thư viện phải hướng đến yêu cầu của quá trình hội nhập, bắt kịp với công nghệ tiên tiến của thế giới, cải cách đăng ký thư viện, xây dựng một hệ thống thông tin hiện đại.

Kết luận chương 1

Theo các nhà nghiên cứu, thư viện là một mặt của đời sống xã hội, từ khi ra đời đến nay đã tồn tại song hành cùng quá trình phát triển của loài người. Thư viện đã góp phần giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc, truyền thống cách mạng, góp phần nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao, phong phú và đa dạng về đời sống tinh thần của nhân dân.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯ VIỆN TẠI THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM

2.1. Giới thiệu chung về Thư viện Quốc gia Việt Nam

2.1.1. Lịch sử hình thành Thư viện Quốc gia Việt Nam

TVQG Việt Nam tiền thân là Thư viện Trung ương Đông Dương, được thành lập ngày 29/11/1917. TVQG Việt Nam là thư viện trung tâm của cả nước, trực thuộc sự quản lý của BVHTTDL, có chức năng chủ yếu là thu nhận các xuất bản phẩm lưu chiểu, các LATS của người Việt Nam; bổ sung các tài liệu ngoại văn; xây dựng, bảo quản lâu dài kho tàng xuất bản phẩm dân tộc và về dân tộc; biên soạn, xuất bản Thư mục quốc gia, Tổng thư mục Việt Nam và các ấn phẩm thông tin khoa học; tổ chức các dịch vụ đọc để đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và giải trí của người dân; nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực thông tin - thư viện; tổ chức bồi dưỡng và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho người làm công tác thư viện trong cả nước. Trụ sở đặt tại 31 Trường Thi (nay là phố Tràng Thi) Hà Nội, nơi xưa kia thường diễn ra các cuộc tuyển chọn nhân tài thời phong kiến và cũng là trụ sở của Kinh lược Bắc kỳ.

Ngày 1 tháng 9 năm 1919 Thư viện Trung ương Đông Dương chính thức mở cửa phục vụ người đọc. Năm 1922 ra đời Nghị định thực hiện chế độ lưu chiểu văn hoá phẩm trên toàn Đông Dương, Sở Lưu chiểu được thành lập. Sở có nhiệm vụ thu nhận sách, báo, tạp chí, bản đồ được xuất bản trên toàn cõi Đông Dương.

Ngày 28/2/1935, Thư viện Trung ương Đông Dương Hà Nội được đổi tên thành Thư viện Pierre Pasquier.

Ngày 8/9/1945, chỉ 6 ngày sau khi tuyên bố Độc lập, Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký Sắc lệnh số 13 chuyển giao các Thư viện công cộng trong đó có Thư viện Pierre Pasquier về cho Bộ Quốc gia Giáo dục quản lý. Ngày 20/10/1945, Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục ra quyết định đổi tên Thư viện Pierre Pasquier thành Quốc gia Thư viện. Nhưng sau đó, cùng với một số cơ quan khác,

Nha Lưu trữ công văn và Thư viện toàn quốc được sát nhập vào Nha Giám đốc Đại học vụ và được đổi tên thành Sở Lưu trữ công văn và Thư viện toàn quốc.

Từ khi Pháp chiếm lại Hà Nội (tháng 2/1947), theo Nghị định ngày 25/7/1947 của Phủ Cao ủy Pháp thì Nha Lưu trữ công văn và Thư viện Đông Dương được tái lập tại Sài Gòn. Nha này ngoài việc lưu trữ tài liệu còn có nhiệm vụ điều khiển Thư viện Trung ương lúc đó được đổi tên thành Thư viện Trung ương ở Hà Nội.

Ngày 28/1/1955 Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký Nghị định số 446-TTg chuyển việc quản lý Thư viện Trung ương thuộc Bộ Giáo dục sang Bộ Tuyên truyền.

Qua nhiều năm phát triển và đổi tên, ngày 21/11/1958 Bộ trưởng Bộ Văn hóa ra nghị định tách Thư viện ra khỏi Vụ Văn hóa đại chúng thành TVQG trực thuộc Bộ. Là Thư viện trung ương của cả nước, đồng thời là thư viện trọng điểm của hệ thống Thư viện Công cộng nhà nước thuộc BVHTTDL, TVQG Việt Nam có vốn tài liệu và sách báo khá lớn, phong phú nhất cả nước và đội ngũ cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ cao, thiết bị cơ sở vật chất tốt đáp ứng được nhu cầu của người dùng tin trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngoài ra TVQG Việt Nam cũng đang thực hiện công tác số hóa nguồn tài liệu để thuận tiện trong việc lưu giữ và để người dùng tin tiện sử dụng.

Hiện nay, TVQG Việt Nam là thành viên chính thức của Hiệp hội thư viện thế giới (IFLA); thành viên của Đại hội cán bộ thư viện Đông Nam Á (CONSAL); trong lĩnh vực bảo quản, thư viện đã tham gia vào PAC (Preservation and Conservation Proqramme - chương trình bảo tồn và bảo quản). Thư viện đã được nhà nước tặng huân chương lao động Hạng Ba, Hạng Nhì, Hạng Nhất và Huân chương Độc lập Hạng Ba cùng nhiều bằng khen, Cờ Luân lưu của BVHTTDL.

Trong gần một thế kỷ xây dựng, phát triển TVQG Việt Nam luôn đạt những thành tựu nổi bật và vinh dự được nhà nước trao tặng Huân chương độc lập hạng nhất, huân chương lao động hạng nhất, nhì, ba.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Mặc dù trong Điều 16 của PLTV có quy định: TVQG Việt Nam được xếp vào loại hình thư viện công cộng như ở nhiều nước, đây còn là thư viện khoa học tổng

hợp lớn, là thư viện có quy chế đặc biệt, có nước trao cho nó quy chế tương đương như là một bộ. Ở nước ta, TVQG Việt Nam cũng có vị trí hết sức đặc biệt trong toàn bộ sự nghiệp thư viện nước nhà và được chế định bởi nhiều văn bản pháp quy [46, tr. 118]

Căn cứ vào Điều 1 Quyết định số 888/QĐ-BVHTTDL, ngày 28/3/2014 của Bộ trưởng BVHTTDL quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TVQG (Quyết định này thay thế Quyết định số 2638/QĐ-BVHTTDL ngày 11 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng BVHTTDL quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TVQG): *“TVQG Việt Nam là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc BVHTTDL, có chức năng: thu thập, giữ gìn di sản thư tịch của dân tộc; bổ sung, bảo quản, tổ chức khai thác và sử dụng chung vốn tài liệu trong xã hội, cung cấp thông tin phục vụ các đối tượng người sử dụng trong nước và nước ngoài. TVQG Việt Nam là Thư viện Trung tâm của cả nước (sau đây gọi tắt là Thư viện) có con dấu, tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; trụ sở tại thành phố Hà Nội.”* [9]

TVQG Việt Nam là Thư viện Trung tâm của cả nước. Vai trò thư viện trung tâm của TVQG Việt Nam được thể hiện trên các phương diện sau:

- Xây dựng và bảo quản kho tàng xuất bản phẩm dân tộc, thu thập và tàng trữ tài liệu về Việt Nam của các tác giả trong nước và nước ngoài.
- Luân chuyển và trao đổi tài liệu giữa các thư viện trong và ngoài nước.
- Thu nhận các xuất bản phẩm lưu chiều trong nước theo Luật xuất bản, các LATS của công dân Việt Nam được bảo vệ ở trong nước và nước ngoài, của công dân nước ngoài được bảo vệ tại Việt Nam.
- Biên soạn, xuất bản thư mục Quốc gia và phối hợp với thư viện trung tâm của các Bộ, ngành, hệ thống thư viện trong nước biên soạn Tổng thư mục Việt Nam.
- Nghiên cứu thư viện học, thư mục học; hướng dẫn nghiệp vụ cho các thư viện trong cả nước theo sự phân công của BVHTTDL [46, tr.119]

Chức năng, nhiệm vụ của TVQG Việt Nam được quy định theo điều 17 PLTV ngày 28 tháng 12 năm 2000 và điều 2 Quyết định số 888/QĐ-BVHTTDL, ngày

28/3/2014 của Bộ trưởng BVHTTDL quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TVQG. Trong đó, một số nhiệm vụ trọng tâm của TVQG Việt Nam gồm:

Một là, tạo lập các kho sách quốc gia

Đây là nhiệm vụ quan trọng nhất của TVQG tất cả các nước trên thế giới. Bản chất của nhiệm vụ này là: TVQG Việt Nam phải có trách nhiệm thu thập đầy đủ nhất và bảo quản lâu dài toàn bộ những tài liệu do các thế hệ người Việt Nam sáng tạo và đã công bố (xuất bản) từ xa xưa đến nay không phụ thuộc vào nơi chốn, ngôn ngữ công bố và xu hướng chính trị của các tài liệu đó.

Hai là biên mục tập trung cho các thư viện trong cả nước.

Nhiệm vụ này được Bộ văn hóa giao cho TVQG Việt Nam từ năm 1962.

Bản chất của nhiệm vụ này là TVQG Việt Nam phải tổ chức xử lý nghiệp vụ nhanh những tài liệu đã thu nhận được theo những chuẩn nghiệp vụ thống nhất.

Việc xử lý nghiệp vụ nhanh có những lợi ích sau: Thông báo cho toàn dân biết những tài liệu nào của nước ta đã được xuất bản trong tuần, tháng; Giúp cho các thư viện lựa chọn những tài liệu cần thiết để bổ sung kịp thời; Giúp cho các thư viện trong cả nước sao chép kết quả xử lý nghiệp vụ của TVQG Việt Nam để sử dụng cho mục đích của thư viện mình. Điều này tiết kiệm thời gian, công sức trong xử lý tài liệu của các thư viện khác và tạo nên sự thống nhất nghiệp vụ giữa các thư viện trong nước; Giúp TVQG Việt Nam tham gia vào chương trình kiểm soát thư mục toàn cầu do UNESCO chủ trì (thực chất là thông báo số lượng tài liệu vừa xuất bản của nước ta ra thế giới).

Để làm tốt việc này, TVQG Việt Nam phải nhận được các tài liệu lưu chiểu trước khi phát hành.

Ba là biên soạn và xuất bản thư mục quốc gia tháng/năm

Thư mục Quốc gia là danh mục toàn bộ những xuất bản phẩm ra đời trong nước trên cơ sở bản lưu chiểu văn hoá phẩm. Đây là công cụ rất quan trọng để kiểm soát thư mục trong phạm vi quốc gia và trên toàn cầu, đồng thời cũng là sản phẩm thông tin thư mục quan trọng nhất, ở Việt Nam một dạng thức của thư mục quốc gia ra đời

từ năm 1923. Hiện tại, TVQG Việt Nam biên soạn (trên máy tính) thư mục quốc gia tháng và thư mục quốc gia năm. Khác với trước kia, hiện nay thư mục quốc gia tháng không in ra giấy nữa mà đưa lên mạng để bạn đọc tra cứu, sử dụng. Tuy vậy, thư mục quốc gia năm vẫn in để cung cấp cho các nhà xuất bản, các thư viện lớn, các cơ quan chính quyền có liên quan. Việc biên soạn và xuất bản thư mục quốc gia này cũng tốn nhiều công sức, tiền của.

Hiện nay TVQG Việt Nam đã xuất bản xong Thư mục quốc gia năm 2015; đang biên soạn thư mục quốc gia năm 2016.

Đối với Tổng thư mục Việt Nam hầu như chưa triển khai được gì do không được cấp kinh phí. Hai năm nay, năm nào TVQG Việt Nam cũng lập dự án khoa học - kỹ thuật, đã trình BVHTTDL nhưng chưa được duyệt.

Bốn là xây dựng cơ sở dữ liệu Tài liệu của Việt Nam

TVQG Việt Nam có trách nhiệm phải tạo lập CSDL về toàn bộ các tài liệu của các thế hệ người Việt Nam sáng tạo ra từ trước tới nay. Đây là phần việc rất khó khăn liên quan đến thu nhận lưu chiểu xuất bản phẩm và thu thập các tài liệu được các thế hệ người Việt Nam công bố trước đây.

Năm là xây dựng CSDL hỗn hợp tài liệu trong tất cả các thư viện Việt Nam nhưng ưu tiên cho các thư viện lớn

Đây là nhiệm vụ quan trọng nữa của TVQG Việt Nam. Mục đích là tạo ra một công cụ tra cứu thống nhất cho các thư viện Việt Nam, giúp người sử dụng biết hiện có bao nhiêu tên tài liệu trong các thư viện Việt Nam, tài liệu này ở (những) thư viện nào, để họ có thể gửi những yêu cầu cụ thể về các tài liệu mình cần cho các thư viện hiện đang lưu giữ các tài liệu đó và do vậy, việc sử dụng thư viện trong cả nước nói chung sẽ hiệu quả hơn rất nhiều.

Hiện trạng: mới chỉ có CSDL thư mục về phần lớn các tài liệu của Việt Nam hiện đang nằm rải rác trong các thư viện nước ta. Tuy vậy, một bộ phận lớn tài liệu bằng tiếng nước ngoài chưa được đưa vào các CSDL này. Muốn thực hiện được nhiệm vụ này, cần áp dụng các biện pháp cơ bản sau: Mua phần mềm tạo lập CSDL liên hợp; Mua các biểu ghi đã có của các thư viện lớn ở Việt Nam; Tổ chức xử lý

các tài liệu hiện chưa được đưa vào quản lý trong các CSDL của các thư viện; Tạo lập CSDL liên hợp.

Công việc này cũng tốn nhiều công sức, tiền của.

Sáu là nghiên cứu thư viện học, nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào lĩnh vực thư viện, nghiên cứu các chuẩn nghiệp vụ trong công tác thư viện

Bất cứ một lĩnh vực hoạt động nào cũng đều dựa trên nền tảng lý luận nhất định. Muốn có một nền tảng lý luận vững chắc, phải có một cơ quan chuyên trách công việc này. Ở Việt Nam không có một viện riêng nghiên cứu lý luận về thư viện. Trên thế giới, hầu hết các nước đều giao cho TVQG làm công việc này. Từ khi thành lập đến nay, TVQG Việt Nam cũng đã thực hiện các công trình nghiên cứu, chủ yếu là ứng dụng, trong lĩnh vực thư viện.

Ngoài các công trình nghiên cứu lý thuyết, TVQG Việt Nam còn nghiên cứu tạo lập hoặc nghiên cứu áp dụng các chuẩn nghiệp vụ quốc tế và nước ngoài vào công tác thư viện nước ta để trình các cơ quan có thẩm quyền ban hành áp dụng trong các thư viện cả nước hoặc thư viện một số bộ ngành.

TVQG Việt Nam cũng có nhiệm vụ tổ chức các hội thảo khoa học, xuất bản các tạp chí khoa học của ngành.

Bảy là hướng dẫn nghiệp vụ cho các thư viện trong cả nước.

Nhiệm vụ này TVQG Việt Nam được nhà nước giao từ lâu. Lý do: Thư viện là cơ quan biên soạn các chuẩn nghiệp vụ như đã nói ở trên, sau khi các chuẩn này được các cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn việc áp dụng thì TVQG Việt Nam trở thành cơ quan hướng dẫn áp dụng các chuẩn đó. Một lý do nữa: TVQG Việt Nam là cơ quan hàng ngày thực hành các chuẩn đó nên việc hướng dẫn sẽ đúng và hiệu quả hơn. Đồng thời đây cũng là phương cách để áp dụng thống nhất các chuẩn nghiệp vụ trong các thư viện cả nước.

Các biện pháp để tiến hành việc hướng dẫn nghiệp vụ có kết quả cao: Biên soạn và xuất bản các tài liệu hướng dẫn; Tổ chức các lớp phổ biến về các chuẩn đó; Hướng dẫn trực tiếp qua điện thoại, thư từ, diễn đàn trên website của Thư viện; Đi

kiểm tra áp dụng tại các thư viện; Tổng kết việc áp dụng các chuẩn bằng hội nghị, tài liệu v.v...

Tám là tổ chức phục vụ các tài liệu có trong thư viện cho mọi người dân của cả nước và bạn đọc trên thế giới

Thư viện áp dụng các hình thức phục vụ tiên tiến nhất;

Tạo ra các sản phẩm và dịch vụ đa dạng và hiện đại để người Việt Nam dù sống và làm việc ở bất cứ đâu cũng có thể sử dụng có hiệu quả vốn tài liệu của Thư viện;

Tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho người dân sử dụng thư viện.

Chín là bảo quản và bảo tồn vốn tài liệu dân tộc

Bên cạnh việc thu thập đầy đủ các tài liệu của dân tộc, TVQG Việt Nam cần bảo quản, bảo tồn lâu dài các tài liệu đó cho các thế hệ mai sau. Để làm việc này, TVQG Việt Nam sẽ phải tiến hành ba cách làm sau:

Cách thứ nhất, là bảo tồn vật lý. TVQG Việt Nam phải áp dụng các biện pháp để kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng vật lý của các tài liệu như độ ẩm, nhiệt độ, bụi, khí, chuẩn bị đối phó với các tình huống khẩn cấp; được trang bị một số thiết bị hiện đại để phục chế tài liệu.

Cách thứ hai là bảo tồn ở dạng khác. Các tài liệu quý hiếm của dân tộc cần được chuyển dạng để bảo quản được tốt hơn. TVQG Việt Nam đang thực hiện điều này theo 2 cách sau:

Vi phim hóa: Hiện nay, TVQG Việt Nam mới làm vi phim được một số tài liệu trước năm 1954 với số lượng chưa nhiều. Việc vi phim hóa các tài liệu khác nên tiếp tục vi phim bảo quản được lâu hơn, an toàn hơn và khi cần có thể chuyển sang dạng điện tử dễ dàng.

Số hóa: Đây là phương cách hiện đại, đang phổ biến trong các thư viện thế giới. Nhưng tài liệu số hóa gặp nhiều khó khăn về kinh phí, vấn đề bản quyền.

Cách thứ ba là tạo lập các kho lưu giữ tài liệu dân tộc. Chính sách bảo quản tài liệu của Việt Nam phải đưa ra sự lựa chọn tổ chức các kho bảo quản chuyên biệt các tài liệu của thư viện. Hiện nay, TVQG Việt Nam mới tổ chức được kho lưu trữ, mục đích là lưu giữ lâu dài các xuất bản phẩm của dân tộc. Kho này được tạo

lập trên cơ sở các bản lưu chiếu đã thu nhận được với một chế độ bảo quản nghiêm ngặt và hầu như không đưa ra phục vụ bạn đọc. Nhiều nước đã tạo ra một số kho ở các địa điểm khác nhau cho mục đích này, phòng khi có bất trắc xảy ra. Nước ta chỉ có một kho ngay tại TVQG Việt Nam. Thời Pháp thuộc, thư viện cũng được nhận lưu chiếu nhưng do số lượng bản lưu chiếu ít (1 bản) nên không tạo lập kho này (chỉ để phục vụ bạn đọc). Chỉ từ tháng 10/1954, TVQG Việt Nam mới thành lập kho lưu chiếu nên số lượng tài liệu lưu chiếu trong kho còn thiếu nhiều.

Ngoài ra, nước ta cũng nên làm theo các nước khác là thành lập kho tài liệu bảo quản đặc biệt: là nơi bảo quản những tài liệu giá trị nhất của dân tộc. Kho này nên tách riêng và được thiết lập ở nơi an toàn, có các điều kiện bảo quản tốt nhất, đặc biệt phòng được cháy, nổ nhưng vẫn giao cho TVQG Việt Nam quản lý.

Để thực hiện nhiệm vụ này, TVQG Việt Nam cần được:

- Đầu tư các phương tiện để bảo quản các tài liệu có trong thư viện ở dạng vật lý tốt nhất.

- Giải quyết về mặt pháp lý quyền của TVQG Việt Nam được vi phim hóa, số hóa tất cả các tài liệu có giá trị khoa học và thực tiễn của dân tộc để bảo quản lâu dài theo các chế độ khác nhau.

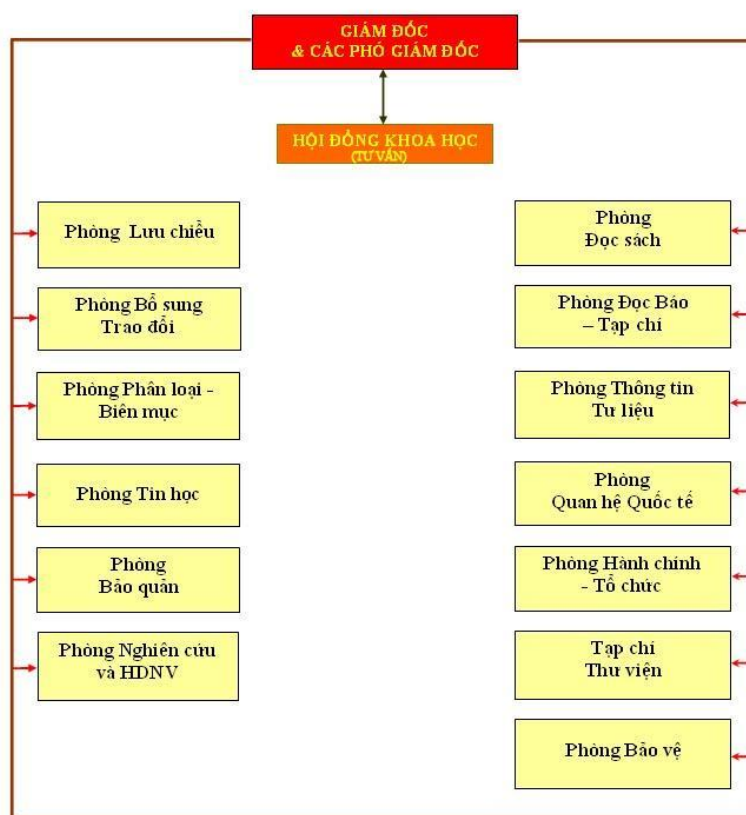
- Cung cấp tiền, trang thiết bị để vi phim hóa, số hóa các tài liệu có giá trị khoa học và thực tiễn của dân tộc.

- Đầu tư để xây dựng các loại kho tài liệu trên. [48]

2.1.3. Cơ cấu tổ chức của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Căn cứ theo Điều 3 Quyết định số 888/QĐ-BVHTTDL, ngày 28/3/2014 của Bộ trưởng BVHTTDL, bộ máy tổ chức của TVQG Việt Nam bao gồm 13 phòng ban, với tổng số 174 cán bộ, viên chức và người lao động. Họ là những người có trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ phát triển của thư viện, trong đó có 01 tiến sĩ, 22 thạc sĩ, 124 cử nhân (chiếm 82%) và 27 các ngành khác.

Bảng 2.1: Cơ cấu tổ chức của Thư viện Quốc gia Việt Nam



(Nguồn: Thư viện Quốc gia Việt Nam)

2.2. Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về thư viện tại Thư viện Quốc gia Việt Nam

2.2.1. Xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước về thư viện

Quản lý nhà nước về thư viện được thể hiện bằng việc ban hành những văn bản pháp luật và pháp quy, tạo hành lang pháp lý để các thư viện ở Việt Nam tổ chức và hoạt động được tốt, đáp ứng được nhu cầu của ngành, là cơ sở pháp lý để phát triển sự nghiệp Thư viện.

Nhận thức vai trò và vị trí của thư viện đối với các mặt của đời sống xã hội nên từ sau khi Cách mạng tháng Tám thành công đến nay, Nhà nước ta luôn quan tâm đến việc ban hành các văn bản pháp lý thể hiện vai trò, trách nhiệm và chức năng của các cơ quan có thẩm quyền trong việc quản lý thư viện.

Ngày 31 tháng 01 năm 1946, Hồ Chủ tịch thay mặt Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký ban hành Sắc lệnh 18-SL và Nghị định ngày 12 tháng

02 năm 1946 quy định chế độ lưu chiểu, theo đó nhà xuất bản phải nộp lưu chiểu cho Quốc gia Thư viện 8 bản, còn nhà in nộp 2 bản. Mặc dù đã được thay thế bằng Luật Xuất bản (năm 1993, 2004, sửa đổi năm 2008, và 2012) nhưng sắc lệnh này đã đóng một vai trò to lớn trong việc thu thập và bảo quản các xuất bản phẩm ở nước ta, đặc biệt từ khi ra đời đến 1993.

Ngày 28 tháng 1 năm 1955 Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm văn Đồng ký Nghị định số 446-TTg chuyển việc quản lý Thư viện Trung ương thuộc Bộ Giáo dục sang Bộ Tuyên truyền, sau này sáp nhập với Bộ Văn hóa.

Ngày 11 tháng 6 năm 1957, Bộ Văn Hóa ra chỉ thị số 599 về việc lưu chiểu văn hóa phẩm trong đó đáng chú ý nhất là quy định: trong số 10 bản phải nộp cho TVQG thì địa phương được giữ lại 3 bản. Ba bản đó, Ty, Sở Văn hóa (nay đều gọi là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) sẽ chuyển cho thư viện tỉnh để làm giàu thêm sách, báo của thư viện đó và đưa ra bạn đọc sử dụng, các tỉnh không phải làm nhiệm vụ lưu chiểu. Nhưng ở Hà Nội thì phải nộp đủ 10 bản cho TVQG Việt Nam. Nhờ Chỉ thị này mà các thư viện cấp tỉnh thu thập được các xuất bản phẩm của địa phương.

Năm 1959, Bộ Văn hóa đã có chỉ thị cho các Ty (Sở) Văn hóa xây dựng các thư viện kết nghĩa. Chủ trương này dựa trên thực tế là trong kháng chiến chống Pháp trước đây vì không chuẩn bị sẵn những kho sách thích hợp nên khi tiếp quản Thủ đô, chúng ta đã phải để quân chúng trong một thời gian khá lâu, sử dụng thư viện của chế độ cũ để lại, với vốn sách phần lớn là lạc hậu và phản động. Rút kinh nghiệm này từ năm 1957, TVQG Việt Nam đã đề nghị xây dựng các thư viện kết nghĩa. Và đề nghị này đã được Bộ Văn hóa chấp nhận và được các địa phương nhiệt liệt hưởng ứng: tỉnh nào cũng có thư viện kết nghĩa với vài chục ngàn bản sách.

Trong Chỉ thị số 8 CT/VH ngày 29/05/1958 của Bộ Văn hóa *“Về vấn đề chấn chỉnh phương châm, nhiệm vụ và tính chất của mạng lưới thư viện”* đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng hệ thống thư viện công cộng ở các tỉnh, thành và đẩy mạnh phong trào đọc sách báo ở cơ sở. Trong Chỉ thị số 802 VH/VP ngày 12/5/1960 *“Về việc tăng cường lãnh đạo công tác thư viện”* của Bộ Văn Hóa nêu rõ phương châm, nhiệm vụ của tủ sách, thư viện công cộng là phải thực sự trở thành một bộ phận

công tác văn hóa giáo dục, một bộ phận của công tác tuyên truyền, phổ biến chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Chỉ thị này đã có tác động tích cực trong việc chấn chỉnh, củng cố và phát triển mạng lưới thư viện, trước hết là các thư viện tỉnh, thành phố, tạo ra bước chuyển mới trong toàn ngành thư viện.

Cũng trong thời gian này, công tác xây dựng thư viện cơ sở ở nông thôn được chú ý. Chỉ thị số 242 TTg ngày 13/6/1961 của Thủ tướng Chính phủ *“Về việc đẩy mạnh công tác văn hóa quần chúng trong các xí nghiệp, công trường, nông trường”*, xác định nhiệm vụ cụ thể của công tác thư viện đối với giai cấp công nhân, thư viện phải thực sự trở thành trường học của công nhân, đồng thời là chỗ dựa vững chắc của Đảng để tuyên truyền, phổ biến tri thức sản xuất, giáo dục, xây dựng con người mới, xã hội mới; Chỉ thị số 45 TTg ngày 9/4/1962 của Thủ tướng Chính phủ *“Về công tác tổ chức văn hóa ở nông thôn”* nhấn mạnh cần lấy thư viện, câu lạc bộ làm trung tâm hoạt động văn hóa ở nông thôn, chú ý xây dựng mạng lưới thư viện huyện, xã, đặc biệt cần phát triển từng bước mạng lưới thư viện ở miền núi và vùng Thiên Chúa giáo.

Ngoài ra, vấn đề kỹ thuật thư viện bắt đầu được đề cập đến trong tài liệu chỉ đạo sự nghiệp thư viện của nước ta. Chỉ thị số 536 VH/VP ngày 17/4/1961 của Bộ Văn hóa *“Về việc tăng cường nâng cao chất lượng công tác và cải tiến kỹ thuật các thư viện”* cho phép các thư viện tỉnh, thành phố được quyền thu nhận các xuất bản phẩm của địa phương và yêu cầu các thư viện tỉnh, thành phố phải áp dụng đúng quy tắc kỹ thuật do TVQG ban hành, phải tiến hành xây dựng kho địa chỉ.

Thời kỳ 1965-1975, sự nghiệp thư viện phục vụ công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Các văn bản pháp quy ban hành đều nêu lên nội dung hoạt động của thư viện trong thời chiến và các biện pháp thực hiện để không ngừng nâng cao chất lượng công tác phục vụ của thư viện nhằm đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, chiến đấu trước mắt và đặt cơ sở phát triển mạnh mẽ sự nghiệp thư viện trong tương lai. Ví dụ, Chỉ thị số 46 VH/CT ngày 13/10/1965 của Bộ Văn Hóa *“Về công tác thư viện trong tình hình mới”*; Chỉ thị số 104 VH/CT ngày 15/12/1966 của Bộ VH *“Về việc đẩy mạnh*

hơn nữa công tác thư viện và phong trào đọc sách báo trong thời chiến”; Quyết định số 111/CP ngày 13/7/1967 của Hội đồng Chính phủ “*Về việc đẩy mạnh công tác văn hóa, phục vụ sự nghiệp chống Mỹ cứu nước*”; Chỉ thị số 60 VH/CT “*Về việc tiếp tục hoàn thành việc chấn chỉnh tổ chức kỹ thuật thư viện*” quan tâm đến vấn đề phục hồi các thư viện do chiến tranh bị ngừng hoạt động.

Đáng chú ý trong giai đoạn này có Quyết định số 178-CP ngày 16/9/1970 của Hội đồng Chính phủ về công tác thư viện nhằm phát triển, tăng cường vai trò quản lý nhà nước đối với sự nghiệp thư viện. Quyết định đã khẳng định những đóng góp tích cực vào thắng lợi chung của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Văn bản này phân chia các thư viện nước ta ra hai loại chính: khoa học và phổ thông. Điều đặc biệt cần nhấn mạnh là trong QĐ 178-CP đã đề ra chủ trương từng bước chuyển các thư viện cấp tỉnh lên thành các thư viện khoa học tổng hợp. Đồng thời vạch ra phương hướng phát triển cho các loại hình thư viện khoa học, phổ thông (công cộng). Chẳng hạn, trong Quyết định 178-CP đã đề ra chủ trương: “*Cần xây dựng và củng cố hệ thống thư viện phổ thông ở các thị xã, huyện, khu phố, cũng có thể thành lập thư viện phổ thông ở một số xã có điều kiện*”. [47, tr. 68]

Quyết định thể hiện sự nhận thức đúng đắn, sự quan tâm to lớn của nhà nước về công tác thư viện, nó mở ra thời kỳ mới cho sự nghiệp thư viện Việt Nam: không chỉ chú trọng phát triển số lượng mà còn phải nâng cao chất lượng hoạt động của các thư viện. Đó là “*củng cố thư viện khoa học, từng bước chuyển các thư viện tỉnh, thành phố thành các Thư viện khoa học tổng hợp, đồng thời 3 thư viện lớn trong cả nước được ưu tiên nhập và phân phối sách báo nước ngoài*”, [35, tr.57] trong đó có TVQG Việt Nam.

Những vấn đề cơ bản nhất của sự nghiệp thư viện Việt Nam đã được đề cập khá đầy đủ trong quyết định này:

Về nhận thức: Yêu cầu các cấp các ngành ở trung ương và địa phương cần nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác thư viện, trên cơ sở đó tăng cường công tác

lãnh đạo, đầu tư đối với ngành thư viện, làm cho thư viện phát huy tác dụng của nó đối với đời sống xã hội.

Về phương hướng phát triển của sự nghiệp: Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, lý luận thư viện, đẩy mạnh việc cung cấp sách báo và tăng cường cơ sở vật chất cho các thư viện.

Quyết định này đã xác định rõ tổ chức hệ thống của thư viện, công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ nghiệp vụ thư viện.

Đây là sự kiện quan trọng đối với sự nghiệp thư viện Việt Nam, lần đầu tiên nhà nước đã chính thức ra quyết định về công tác thư viện. Cho đến nay, quyết định này vẫn là văn bản pháp lý có tầm quan trọng đặc biệt của nhà nước trong lĩnh vực thư viện.

Ngày 17 tháng 3 năm 1971, Bộ Văn Hóa ra Thông tư số 30-VH/TT hướng dẫn thi hành Quyết định 178-CP về công tác thư viện. Thông tư nêu lên tầm quan trọng của công tác thư viện, nhấn mạnh đến việc tăng cường sự lãnh đạo của các bộ ngành, địa phương đối với công tác thư viện. Đồng thời, Thông tư cũng đề ra phương hướng phát triển sự nghiệp thư viện trong thời gian tới, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến việc chuyển thư viện phổ thông thành thư viện khoa học tổng hợp của các thư viện tỉnh, thành. Ở phần IV “Trách nhiệm của Bộ Văn hóa và các bộ, các ngành về công tác thư viện”, thông tư đặc biệt nhấn mạnh đến tổ chức của Hội đồng Thư viện, về thành phần: Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Văn hóa, thành viên là giám đốc các thư viện ở trung ương, Vụ trưởng Vụ Văn hóa quần chúng và thư viện (nay là Vụ Thư viện) và có thể mời thêm các cá nhân có nhiều kinh nghiệm công tác thư viện. Nhiệm vụ: từ nghiên cứu giúp chính phủ đề ra đường lối, phương hướng và kế hoạch phát triển sự nghiệp thư viện, điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các thư viện đến nghiên cứu những tiêu chuẩn, quy tắc kỹ thuật nghiệp vụ thư viện.

Từ năm 1976 đến 1985, Nhà nước thi hành chính sách văn hóa văn nghệ trong giai đoạn cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Các văn bản pháp quy của Nhà nước quy định các thư viện phục vụ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Chú ý phát triển hệ thống thư viện công cộng ở các tỉnh phía Nam, ban hành các quy chế quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, cơ

cấu tổ chức, cơ sở vật chất, phương thức hoạt động và lề lối làm việc của các loại thư viện. Một trong những văn bản pháp quy quan trọng thời kỳ này là Quyết định 401 – TTg ngày 9/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ “*Về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Thư viện Quốc gia Việt Nam*”, đây là một trong những văn bản pháp quy quan trọng thời kỳ này, trong đó giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho TVQG Việt Nam. [48, tr.8]. BVHTT đã giao thêm cho TVQG nhiệm vụ giúp Bộ quản lý nhà nước ngành thư viện. Các chức năng nhiệm vụ do Bộ giao đã được chuyển giao cho Cục Thư viện (nay là Vụ Thư viện) khi cơ quan này được BVHTT thành lập vào năm 1986.

Theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hoá số 98/VH-QĐ ngày 2/8/1985 đã ban hành hệ thống chức danh tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngành Thư viện. Văn bản này có ý nghĩa rất quan trọng: làm căn cứ cho việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí các loại cán bộ viên chức, xây dựng biên chế hợp lý; xác định chế độ tiền lương và phụ cấp; từng bước kiện toàn đội ngũ thư viện đáp ứng yêu cầu công tác thư viện và nhiệm vụ mới của đất nước. Nhưng trên thực tế, những tiêu chuẩn này chưa đi vào thực tiễn thư viện thì sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, đổi mới thư viện đã làm chúng trở thành lạc hậu, không có hiệu lực thi hành. Ngày 2/6/1993, Ban tổ chức – cán bộ chính phủ đã ra Quyết định số 428/QĐ “*Về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức ngành Văn hóa-Thông tin*”, trong đó có ngành thư viện.

Ngày 9/5/1989, Bộ Văn hóa Thông tin đã ban hành thông tư số 20/VHTT về việc hướng dẫn xếp hạng thư viện các ngành, các cấp. Thông tư ban hành trên cơ sở Quyết định 120/LĐ-QĐ ngày 6/6/1985 của Bộ Lao động và Quyết định số 98/VH-QĐ ngày 2/6/1985 của Bộ Văn hóa ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ viên chức chuyên ngành thư viện.

Chỉ thị 321 - CP ngày 17/1/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc ngân sách Nhà nước (cả trung ương và địa phương) cấp 100% chi phí cho sự nghiệp đào tạo, bảo tàng, thư viện... Tiếp đó, công văn 1135/ KG ngày 28 tháng 6 năm 1989 của Hội đồng Bộ trưởng đã nhấn mạnh: “*Nhà nước... cấp 100% kinh phí cho công*

tác đào tạo, bảo tồn bảo tàng, thư viện và các hoạt động nghệ thuật ở vùng núi, biên giới, hải đảo” [47, tr. 76] Trên cơ sở tinh thần chỉ đạo của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 14/9/1989 Bộ Văn hoá ra chỉ thị số 44/VH-TT về việc đảm bảo sự hoạt động bình thường của các thư viện. Mặc dù đã có công văn số 44/VH-TT nhưng tình hình cấp kinh phí cho thư viện chưa được cải thiện nhiều nên ngày 15/6/1990 Bộ Văn hoá - Thông tin – Thể thao và Du lịch cùng Bộ Tài chính ra Thông tư liên bộ 97 TTLB/VHTTTTDL-TC của về chính sách đầu tư của Nhà nước đối với thư viện. Thông tư khẳng định sự đầu tư 100% ngân sách của nhà nước cho hoạt động thư viện. Thông tư liên Bộ 97 có ý nghĩa hết sức to lớn đối với sự phát triển của sự nghiệp thư viện Việt Nam, là “chiếc gậy thần diệu” giúp hệ thống thư viện từng bước được khôi phục, đi vào hoạt động ổn định và bước đầu có những khởi sắc và phát triển do nguồn kinh phí được cung cấp ổn định và ngày càng tăng. Toàn bộ hệ thống thư viện Việt Nam được khôi phục, củng cố và hoạt động có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước.

Theo số liệu báo cáo tổng kết 5 năm hoạt động (2012 - 2016) của TVQG Việt Nam, đến nay đã được cấp kinh phí mua báo thường xuyên và mua sách mới. Tuy nhiên, mức kinh phí còn thấp so với quy định trong Thông tư 97 đề ra và cũng chưa thật ổn định.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 về xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, để tăng cường sự quản lý nhà nước, đảm bảo cho sự nghiệp thư viện Việt Nam phát triển theo đúng định hướng của Đảng, phù hợp với xu thế chung của thế giới, đặc biệt để các thư viện đáp ứng tốt nhất các yêu cầu “công nghiệp hoá, hiện đại hoá” đất nước, nhà nước ta đã ban hành PLTV.

PLTV ra đời đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng thúc đẩy sự nghiệp thư viện Việt Nam phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Sự kiện này đã tạo nên niềm hân hoan của những người làm công tác văn hóa nói chung, đặc biệt là trong lĩnh vực thư viện. Nó cũng giúp các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp có cơ sở để quan tâm hơn, đầu tư nhiều hơn cho công tác thư

viện. Ngay sau khi Pháp lệnh ra đời, các cơ quan có trách nhiệm ở trung ương và địa phương đã làm rất nhiều việc để đưa Pháp lệnh vào cuộc sống. [46, tr.159]

PLTV ban hành nhằm xác lập những nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của thư viện Việt Nam; xác định quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động thư viện, nhiệm vụ và quyền hạn của thư viện, của người làm công tác thư viện; trách nhiệm của nhà nước trong lĩnh vực thư viện, đảm bảo cho sự nghiệp thư viện Việt Nam phát triển đáp ứng giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam.

Việc xây dựng Pháp lệnh trải qua một quá trình lâu dài (từ 1986 - 2000). Một bản soạn thảo PLTV gồm các chuyên gia thư viện được thành lập do Vụ Thư viện làm thư ký thường trực và nhiều cuộc hội thảo được tổ chức để xem xét các dự thảo, đồng thời lấy ý kiến rộng rãi trong ngành thư viện. Sau nhiều lần bổ sung, sửa chữa, hoàn chỉnh, đến ngày 28/12/2000 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua và ngày 11/1/2000, Chủ tịch nước chính thức công bố PLTV.

Có thể nói việc PLTV được ban hành là một sự kiện quan trọng đối với những người làm công tác thư viện Việt Nam vì lần đầu tiên, họ có một văn bản pháp lý chính chức cho hoạt động.

Nhìn lại tình hình 16 năm thực thi các quy định của PLTV của TVQG Việt Nam như sau:

Đối với việc thu nhận lưu trữ sách

Trong những năm đầu thực hiện PLTV, TVQG Việt Nam được nhận 4 bản/xuất bản phẩm theo tinh thần của Luật Xuất bản năm 1993. Theo Điều 27 Luật Xuất bản năm 2004 thì TVQG Việt Nam được nhận 5 bản/xuất bản phẩm. Nhưng khi Luật xuất bản mới ra đời vào năm 2012, theo điều 28, TVQG Việt Nam được quyền nhận 3 bản/xuất bản phẩm.

Ngay sau khi Luật xuất bản mới ra đời, TVQG đã tiến hành gửi thông báo tới 55 Nhà xuất bản trong cả nước đề nghị các Nhà xuất bản nộp xuất bản phẩm đúng thời hạn và đúng số lượng bản như trong Luật quy định. Mặc dù vậy, trong 3 năm từ 2012 - 2015, việc nộp lưu trữ đủ số lượng như quy định mới vẫn chưa được thực hiện nghiêm túc. Nhiều Nhà xuất bản vẫn nộp 5 bản như quy định của Luật xuất

bản năm 2004. TVQG Việt Nam đã nhiều lần phải gửi công văn, trao đổi qua điện thoại (với các Nhà xuất bản ở địa phương), hoặc đến trao đổi trực tiếp với các Nhà xuất bản chưa thực hiện đúng tinh thần của Luật xuất bản năm 2012. Bằng sự kiên trì trong vận động và trao đổi, cuối cùng TVQG Việt Nam cũng nhận được sự hợp tác từ phía các Nhà xuất bản. Từ năm 2012 đến nay toàn bộ các Nhà xuất bản trong cả nước đã nộp đầy đủ hơn với số lượng đúng quy định 3 bản/tên tài liệu. Năm 2012 đã nhận được 17.951 tên sách, năm 2013 nhận 17.856 tên sách, giảm 1% tên sách so với năm 2012. Cho đến năm 2016, TVQG Việt Nam đã nhận được 22.549 tên sách.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều xuất bản phẩm của các trường đại học, các xuất bản phẩm liên kết, các xuất bản phẩm địa phương, các xuất bản phẩm lưu hành nội bộ... vẫn chưa nộp đầy đủ cho TVQG Việt Nam. Mặt khác, việc nộp lưu chiểu các xuất bản phẩm đúng thời hạn như trong Luật quy định tới nay vẫn chưa thực hiện được. Xuất bản phẩm của các Nhà xuất bản đều chỉ nộp sau khi đã phát hành, nhưng nhiều tài liệu nộp khá muộn so với thời gian in trên tài liệu, cá biệt có những tài liệu nộp chậm đến trên nửa năm.

Đối với việc thu nhận lưu chiểu báo, tạp chí

Luật Báo chí ban hành năm 1989, được sửa đổi bổ sung lần gần đây nhất vào năm 1999 cũng có quy định về việc nộp lưu chiểu báo in. Mới đây nhất luật Báo chí ban hành ngày 5/4/2016 có hiệu lực từ 1/1/2017, theo Điều 52 vẫn có quy định về vấn đề này.

TVQG Việt Nam thường xuyên phải gửi công văn, trao đổi trực tiếp tới hàng trăm toà soạn báo tạp chí trong cả nước để nhắc nhở việc thực hiện nộp lưu chiểu báo, tạp chí. Đến nay, thư viện cũng chỉ đạt được yêu cầu các toà soạn nộp đủ số lượng bản lưu chiểu. Cá biệt vẫn còn một số báo chưa thực hiện nộp đúng số lượng bản như Báo điện Việt Nam, Nhi đồng.

Năm 2000, TVQG Việt Nam đã được kết nạp làm thành viên chính thức của IFLA (Liên hiệp hội Thư viện quốc tế), CONSAL (Hội nghị cán bộ Thư viện các nước Đông Nam Á, và là chi nhánh tiếp nhận sách báo của Liên Hiệp quốc.

Công tác này được thực hiện nghiêm túc, thường xuyên hàng năm.

Bảng 2.2: Công tác thư nhận lưu chiểu từ 2012-2016

Năm	Số lượng tài liệu nộp lưu chiểu
2012	328.647 bản
2013	318.796 bản
2014	311.606 bản
2015	309.822 bản
2016	305.443 bản

(Nguồn: Thư viện Quốc gia Việt Nam)

Thu nhận luận án

Cùng với sách, báo, tạp chí, TVQG Việt Nam hiện đang thu nhận toàn bộ LATS của người Việt Nam bảo vệ trong nước và nước ngoài, của người nước ngoài bảo vệ tại Việt Nam.

Với sự hợp tác, giúp đỡ của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc quy định nộp Luận án tại thư viện, đến nay việc nộp LATS của người Việt Nam bảo vệ trong nước và nước ngoài tương đối nghiêm túc. Hiện tại, thư viện đang lưu giữ và bảo quản gần 19.000 bộ LATS trong một chế độ đặc biệt. [47]

Số LATS thu nhận được hàng năm đều có xu hướng tăng, thể hiện qua các số liệu của mấy năm trở lại đây:

Bảng 2.3: Số luận án tiến sĩ thu nhận được từ 2012-2016

Năm	Số lượng LATS
2012	1.612
2013	1.414
2014	1.499
2015	2.394
2016	2.716

(Nguồn: Thư viện Quốc gia Việt Nam)

Trên cơ sở PLTV, trong thời gian qua nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp quy quan trọng để hướng dẫn và cụ thể hóa những nội dung quy định tại PLTV. Như:

Nghị định của Chính phủ số 72/2002/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2002 quy định chi tiết thi hành PLTV. Nghị định này đã quy định một số vấn đề quan trọng liên quan đến trách nhiệm của thư viện đối với người sử dụng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động thư viện, cụ thể hóa từng bước chính sách đầu tư của nhà nước đối với hoạt động thư viện, quy định cụ thể trách nhiệm của từng bộ, ngành, của chính quyền địa phương các cấp đối với hoạt động thư viện.

Thông tư của Bộ VHTT số 56/2003/TT - BVHTT ngày 16 tháng 9 năm 2003 Hướng dẫn chi tiết về điều kiện thành lập thư viện ở các vùng miền khác nhau và thủ tục đăng ký hoạt động thư viện.

Nghị định số 02/2009/NĐ-TTg Quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và của người đứng tên thành lập thư viện tư nhân; chính sách của nhà nước và quản lý nhà nước đối với thư viện tư nhân. Theo đó, thư viện tư nhân là cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập trong lĩnh vực thư viện, do 1 người hoặc 1 nhóm người thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, tự bảo đảm kinh phí hoạt động và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Bộ VHTTDL ban hành Thông tư số 18/2014/TT-BVHTTDL ngày 08/12/2014 quy định về hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện (Xây dựng vốn tài liệu; Xử lý tài liệu; Tổ chức bộ máy tra cứu; Tổ chức tài liệu; Bảo quản tài liệu; Kiểm kê, thanh lọc tài liệu; Tổ chức dịch vụ Thư viện; Biên soạn ấn phẩm thông tin thư viện; Hoạt động truyền thông, vận động; Thống kê thư viện)

Bộ VHTTDL phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng danh mục phí và lệ phí trong lĩnh vực thư viện (Ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13). Với quy định này, Nhà nước cho phép các thư viện được thu phí một số hoạt động dịch vụ của thư viện, từ đó tăng thêm nguồn ngân sách cho hoạt động thư viện; đồng thời cũng buộc các thư viện phải nâng cao chất lượng phục vụ - dịch vụ của mình.

BVHTTDL ban hành Thông tư số 13/2016/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 12 năm 2016 quy định quy chế mẫu hoạt động của Thư viện công cộng cấp tỉnh, huyện, xã. Thông tư này mới có hiệu lực từ ngày 22/01/2017. Thông tư này quy định tên gọi, đối tượng và yêu cầu phục vụ, vị trí chức năng, kinh phí hoạt động của thư viện công cộng các cấp. Đồng thời quy định nhiệm vụ, quyền hạn chung và trách nhiệm trong hoạt động chuyên môn của thư viện công cộng

Ngoài việc ban hành các văn bản mới quan trọng nói trên, BVHTT còn sửa đổi, bổ sung và ban hành một số văn bản khác có liên quan như:

Ngay sau khi PLTV được ban hành, Bộ VHTT đã gửi văn bản đến TVQG Việt Nam, đồng thời Vụ Thư viện đã có Công văn chỉ đạo TVQG Việt Nam làm tốt vai trò tham mưu cho sở VHTT, chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền, triển khai phổ biến rộng rãi PLTV ở các thư viện địa phương.

Thông tư liên tịch của BVHTT và Bộ Tài chính số 04/2002/ TTLT/BVHTT ngày 4 tháng 3 năm 2002 sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư liên tịch số 97 ngày 15 tháng 6 năm 1990 Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính và chính sách đầu tư của nhà nước đối với thư viện công cộng. Ngoài việc sửa đổi một số nội dung không còn phù hợp, đã làm hạn chế sự đầu tư cho các thư viện; Thông tư còn bổ sung thêm nội dung “Chi ứng dụng, khai thác CNTT trong thư viện”, tạo điều kiện cho các thư viện có căn cứ pháp lý để tăng cường đầu tư về lĩnh vực ứng dụng CNTT trong hoạt động thư viện.

Quyết định số 50/2003/QĐ-BVHTT của BVHTT ngày 22 tháng 8 năm 2003 về việc quy định định mức kinh phí mua sách lý luận, chính trị của hệ thống thư viện, trong đó quy định các thư viện công cộng hàng năm phải dành 10% kinh phí mua sách lý luận chính trị. Với quy định này, các thư viện đảm bảo vốn tài liệu có chất lượng góp phần tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước đến mọi tầng lớp nhân dân.

Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của BVHTTDL và Bộ Nội vụ quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện. Thông tư quy định về mã số, tiêu chuẩn

chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành thư viện. Thông tư này thay thế Quyết định số 428/QĐ ngày 26/3/1993 về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức ngành văn hóa – thông tin.

2.2.2. Tổ chức thực hiện văn bản quản lý nhà nước về thư viện

Với tư cách là cơ quan chức năng giúp BVHTTDL thực hiện việc quản lý nhà nước về thư viện, trực tiếp là hệ thống thư viện công cộng, trong đó có TVQG Việt Nam, Vụ Thư viện đã dựa vào những quan điểm, đường lối chỉ đạo trên của Đảng, nhà nước và thực tế hoạt động của TVQG Việt Nam để triển khai những nội dung quản lý nhà nước về sự nghiệp thư viện như sau:

Thứ nhất, xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch củng cố, phát triển TVQG Việt Nam.

Đây là một công tác rất quan trọng trong quản lý nhà nước về thư viện. Trong thời gian qua, TVQG Việt Nam đã thực hiện các nhiệm vụ như:

Duy trì và phát huy các mặt công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị giao TVQG Việt Nam là nơi lưu giữ kho di sản văn hiến lớn nhất cả nước, tổ chức môi trường học tập thân thiện, nơi tôn vinh văn hóa đọc, có kinh nghiệm tổ chức các ngày hội, lễ hội liên quan đến văn hóa đọc, các sự kiện giao lưu văn hóa quốc tế.

Hoàn thành việc thực hiện giai đoạn 1,2 Đề án “*Nâng cấp, cải tạo TVQG Việt Nam*”

Công bố Tiêu chuẩn Việt Nam “*Hoạt động thư viện-Thuật ngữ và định nghĩa cơ bản*”. Tiếp tục hoàn thành các đề tài nghiên cứu cấp Bộ.[39]

Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng mềm cho viên chức và người lao động.

Tổ chức thi tuyển viên chức nhằm lựa chọn tuyển dụng những viên chức đáp ứng yêu cầu chuyên môn, tâm huyết với ngành, nghề thư viện. [40]

Tăng cường phát triển nguồn tài nguyên số và các bộ sưu tập thông tin tra cứu;

Tiếp tục Dự án tiếp nhận và phân chia Sách tiếng Anh do Quỹ Châu Á tài trợ cho các thư viện Việt Nam;

Duy trì triển khai hiệu quả và chất lượng các Dự án do Ngân sách Nhà nước cấp và các Dự án do nguồn hỗ trợ tài chính từ nước ngoài;

Thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế, đặc biệt với các đối tác chủ chốt và các bên có quan hệ song phương nhằm khai thác có hiệu quả các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về chuyên môn nghiệp vụ; Tham gia tích cực và thực hiện tốt nghĩa vụ thành viên của các tổ chức quốc tế và khu vực về thư viện như: IFLA, RFN. CDNL, CDNL-AO, WDL, CONSAL;

Thứ hai, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ thư viện TVQG Việt Nam.

Đội ngũ cán bộ thư viện là một trong những nhân tố quan trọng, quyết định chất lượng của sự nghiệp thư viện.

Hơn 50 năm qua, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến công tác đào tạo đội ngũ cán bộ thông tin - thư viện. Những nghị quyết 89/ CP (1972) của Hội đồng Chính phủ. Chỉ thị số 95/ CT (1991) của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Gần đây, Nghị quyết 49 CP (1993) của Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định sự cần thiết tổ chức công tác đào tạo cán bộ thông tin - thư viện.

Đội ngũ công chức, viên chức đã được chuẩn hoá, ngày càng được nâng cao cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, đội ngũ cán bộ thông tin thư viện ở nước ta được đào tạo ở 4 trường đại học và cao đẳng trong nước (Đại học Văn hoá Hà Nội, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội, trường Cao đẳng Văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh). Ngoài đào tạo trong nước, một số cán bộ thông tin nước ta được đào tạo tại các trường đại học một số nước trên thế giới. Tuy nhiên, trình độ đội ngũ cán bộ thư viện của một số cơ quan thư viện chưa đạt tiêu chuẩn đã được Nhà nước quy định. Trình độ ngoại ngữ, tin học còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu các thư viện cấp tỉnh trở lên.

Trong TVQG Việt Nam hiện nay có 174 công nhân viên chức, trong đó có khoảng hơn 82% có trình độ đại học và trên đại học, công tác trong 13 phòng chức năng. Để nâng cao năng lực thực thi công vụ của đội ngũ công chức, viên chức, TVQG Việt Nam luôn quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng như:

Mở lớp tập huấn tin học.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thư viện đã được triển khai từ những năm 1990. Theo chủ trương của BVHTT, TVQG Việt Nam và Vụ Thư viện đã phối hợp tổ chức nhiều khoá đào tạo ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ các thư viện và đã thu được kết quả đáng kể.

TVQG Việt Nam đã tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, trao đổi ý kiến, học hỏi lẫn nhau cho cán bộ thư viện, để nhằm nâng cao nhận thức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác thư viện– thông tin hướng tới mục tiêu “thống nhất, chuẩn hoá, chia sẻ và hội nhập” được các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, các đồng nghiệp thư viện tích cực ủng hộ, đánh giá và ghi nhận. Đồng thời xây dựng, cập nhật, hoàn thiện hệ thống các quy chế, nội quy của đơn vị làm cơ sở hỗ trợ công chức, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ nghiêm túc, chuyên nghiệp, đúng quy định (2014).

Tổ chức tham quan học hỏi kinh nghiệm.

Trong nhiều năm qua, TVQG Việt Nam tổ chức cho nhiều cán bộ tham quan, học hỏi kinh nghiệm với các thư viện tỉnh trong khu vực, toàn quốc và được đánh giá rất bổ ích. Điểm nổi bật trong những năm gần đây việc giao lưu trao đổi nghiệp vụ thư viện với các đồng nghiệp nước ngoài được tăng cường và mở rộng. Nhiều cán bộ thư viện đi tham quan, học tập, nghiên cứu tại nhiều nước khu vực ASEAN; tham gia hội nghị, hội thảo ở nước ngoài như: Đại hội cán bộ Thư viện các nước Đông Nam Á lần thứ 15 tại Indonesia, Đại Hội Consal XV tại Indonesia (2012), Hội nghị IFLA lần thứ 80 tại CH Pháp, Hội nghị CDNL-AO lần thứ 22 tại Australia ... (2014), Đại hội CONSAL XVI (2015), và các hội nghị, hội thảo tại Myanmar, Singapore, Ấn Độ, Hàn Quốc, Australia, New Zealand, Pháp, Mỹ (2016).

Một sự kiện quan trọng là trong năm 2014 đã tiến hành thi nâng ngạch cho cán bộ thư viện viên lên thư viện viên chính cho 17 công chức, viên chức.

Thứ ba, tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ

Ngay khi bước sang thiên niên kỷ mới, lần đầu tiên, TVQG Việt Nam được BVHTT chấp thuận cho tiến hành một số công trình nghiên cứu cấp bộ. Trong các

năm từ 2012 - 2016, TVQG Việt Nam đã chủ trì nhiều công trình nghiên cứu khoa học, như: *“Hoàn thiện mô hình thư viện số tại TVQG Việt Nam và Thư viện thành phố trực thuộc Trung ương”*; *“Thực thi quyền tác giả và quyền liên quan trong hoạt động thông tin – thư viện ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp”* (2013); *“Hoàn thiện và phát triển một số dịch vụ thông tin hiện đại tại TVQG”* (2014); *“Vai trò và yêu cầu của triển lãm tư liệu trong giới thiệu, quảng bá nguồn lực thông tin tại TVQG Việt Nam”* (2015); *“Hoàn thiện chính sách phát triển nguồn lực thông tin của TVQG Việt Nam”* (2016).

Trong thời gian này, TVQG Việt Nam cũng đã tổ chức khá nhiều hội thảo khoa học như: khóa Tập huấn và chia sẻ kinh nghiệm *“Bảo quản tài liệu truyền thống, tài liệu số và quản lý rủi ro”*, Hội thảo *“Tổ chức không gian thư viện”* (2014); Hội thảo *“Thực trạng và giải pháp đổi mới mô hình tổ chức quản lý và phương thức hoạt động thư viện Việt Nam”* (2015).

Thứ tư, mở rộng hợp tác quốc tế về thư viện

Thực hiện định hướng mở rộng quan hệ hợp tác về thư viện trong khu vực và trên thế giới, kể từ khi thành lập đến nay, hoạt động hợp tác quốc tế của TVQG Việt Nam đã luôn được coi trọng và không ngừng phát triển.

Từ năm 2000, được phép của Chính phủ, TVQG Việt Nam đã trở thành thành viên của các tổ chức và hiệp hội nghề nghiệp trong khu vực và trên thế giới như Liên đoàn quốc tế các thư viện và Hiệp hội thư viện (IFLA), Đại hội cán bộ thư viện các quốc gia Đông Nam Á (CONSAL), Hội nghị Giám đốc TVQG các nước trên thế giới (CDNL) và khu vực châu Á - châu Đại Dương (CDNL-AO), Mạng lưới số hóa Pháp ngữ (RFN), Mạng lưới TVQG số Thế giới (WDL). Tham gia điều đản các hội nghị thường niên, các cuộc họp Ban điều hành hiệp hội; tham gia tích cực và có trách nhiệm đối với các diễn đàn nghiệp vụ, các dự án khu vực, TVQG Việt Nam đã truyền tải tới bạn bè thế giới bức tranh tổng quan về ngành thư viện Việt Nam, các thành tựu và định hướng phát triển, cũng góp với bạn tiếng nói của ngành thư viện Việt Nam trên trường quốc tế. Vị thế của TVQG Việt Nam cũng theo đó được bạn bè quốc tế dần khẳng định.

Hàng năm, TVQG Việt Nam đón tiếp hơn 200 khách quốc tế đến thăm và làm việc, triển khai hội nghị, hội thảo đã mở ra nhiều triển vọng mới trong các quan hệ hợp tác, trao đổi tài liệu, đào tạo cán bộ, tài trợ trang thiết bị, chuyển giao công nghệ... giữa TVQG Việt Nam và các đối tác. Các đối tác chính bao gồm Hoa Kỳ, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Úc, Singapore, Malaysia, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ.

Năm 2015, thiết lập thêm các quan hệ hợp tác quốc tế song phương, khai thác có hiệu quả các chương trình, dự án nước ngoài về chuyên môn nghiệp vụ, đào tạo cán bộ, tài trợ sách, phối hợp với các đại sứ quán và tổ chức quốc tế tại Hà Nội tổ chức thành công các sự kiện văn hoá, giao lưu tác giả tác phẩm, góp phần tích cực vào quá trình hiện đại hoá thư viện và hội nhập toàn diện với khu vực và thế giới. Tiếp tục vận động các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế quyên góp sách, tài liệu ủng hộ người dân vùng sâu, vùng xa ít có điều kiện tiếp cận thông tin, tài liệu.

TVQG Việt Nam phối hợp với Vụ Thư viện thực hiện chương trình tài trợ sách quỹ Châu Á. Tổ chức tiếp nhận 20.000 cuốn sách Heidi do Đại sứ quán Thụy Sĩ hợp tác với Bộ Văn hoá - Thông tin Việt Nam. Chương trình trao tặng sách của Vương quốc Anh cho thư viện Việt Nam của tổ chức UNESCO khu vực Châu Á.

Tuy vậy, tiềm năng trong lĩnh vực này còn rất lớn, nhu cầu còn rất cao. Do đó, TVQG Việt Nam cần đẩy mạnh việc giao lưu, hợp tác quốc tế với giới thư viện khu vực ASEAN và thế giới nhiều hơn nữa.

TVQG Việt Nam thường xuyên tiến hành trao đổi sách báo, tài liệu với 104 đơn vị của 31 nước trên thế giới; tổ chức toạ đàm với đoàn chuyên gia thư viện 8 nước về công nghệ thông tin mới, đạt kết quả tốt; Cử nhiều đoàn cán bộ thư viện đi tham quan, học tập, nghiên cứu và dự hội nghị, hội thảo ở nước ngoài; Hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế về công tác thư viện. Hoàn thành nhiều dự án quốc tế về công tác hoạt động thư viện.

2.2.3. Thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm

Để tăng cường hiệu lực quản lý đối với công tác quản lý hoạt động thư viện nhất thiết phải có các hoạt động kiểm tra. Lý luận và thực tiễn đã ghi rõ: Quản lý mà không có kiểm tra thì xem như không có quản lý. Kiểm tra là yếu tố kích thích, tư vấn và thúc đẩy việc quản lý đạt hiệu quả cao hơn, để từ đó có những biện pháp thích hợp trong công tác quản lý.

Trong những năm gần đây, TVQG Việt Nam đã có những mặt hoạt động trong lĩnh vực này như sau: bám sát hoạt động chuyên môn, kiểm tra đôn đốc, tháo gỡ khó khăn về chế độ chính sách cho những người làm công tác.

Ví dụ: tháo gỡ khó khăn cho việc giải quyết thực hiện chế độ phụ cấp độc hại cho người làm công tác thư viện.

Đến nay đã có 100% cán bộ của thư viện được thực hiện chế độ phụ cấp độc hại theo thông tư số 46 ngày 17/6/1997 của BVHTT và chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho lao động ngành Văn hóa thông tin theo thông tư số 2241 ngày 15/7/1997 của BVHTT.

Công tác kiểm tra, đánh giá các hoạt động của thư viện bao gồm: Kiểm tra đánh giá cán bộ quản lý thư viện dựa vào kế hoạch cá nhân, các loại hồ sơ, sổ sách; Kiểm tra kế hoạch công tác và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ. Kiểm tra kinh phí phục vụ cho công tác thư viện; Kiểm tra phòng đọc, kho sách và các trang thiết bị, phương tiện phục vụ thư viện; Kiểm tra việc bổ sung nguồn tài liệu.

Trong những năm qua, tập thể và cá nhân viên chức, người lao động TVQG Việt Nam vinh dự được nhận rất nhiều phần thưởng cao quý của Nhà nước, Chính phủ, và của BVHTTDL gồm: 1 huân chương độc lập hạng Nhất cho tập thể, tặng và truy tặng 07 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba cho các cá nhân có nhiều cống hiến, 03 Bằng khen Chính phủ, 21 Bằng khen của Bộ trưởng BVHTTDL.

2.3. Những ưu điểm và hạn chế trong quản lý nhà nước về thư viện tại Thư viện quốc gia Việt Nam

2.3.1. Về ưu điểm và nguyên nhân của ưu điểm

2.3.1.1. Ưu điểm

Trải qua hơn 80 năm đồng hành cùng các thể chế chính trị, pháp luật về quản lý nhà nước đối với thư viện đã nhiều lần được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với tình hình mới và yêu cầu mới trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau của đất nước. Qua đó, cho thấy hệ thống pháp luật liên quan đến thư viện ngày càng có tính hệ thống và thực tiễn trong việc điều hòa, điều chỉnh các mối quan hệ xã hội thư viện giữa các chủ thể nhằm hướng đến một trật tự chung theo định hướng và ý chí của Nhà nước.

Trong những năm qua, TVQG Việt Nam đã xây dựng, nghiêm túc chỉ đạo thư viện thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển sự nghiệp thư viện các kế hoạch, chỉ tiêu dài hạn và ngắn hạn các chương trình mục tiêu văn hoá, bước đầu đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

TVQG Việt Nam rất quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thư viện. Đã trực tiếp mở nhiều lớp tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ thư viện. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thư viện là một trong những nhiệm vụ quan trọng và quan tâm nhất đối với nhiệm vụ quản lý nhà nước của TVQG Việt Nam. Trực tiếp mở nhiều lớp tập huấn; cử cán bộ đi tham quan, học tập nghiên cứu công tác thư viện ở nước ngoài đạt kết quả tốt.

Trong những năm gần đây, TVQG Việt Nam đã chú trọng đến hợp tác quốc tế về thư viện. Nhiều chương trình, dự án đã được triển khai và thực hiện đạt kết quả tốt.

Việc tổ chức các hội nghị, hội thảo đó đã nâng cao một bước trình độ lý luận và đúc kết những kinh nghiệm thực tiễn để đẩy mạnh các hoạt động trên trong thời gian tới.

Trong nhiều năm qua, TVQG Việt Nam đã thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, làm đề án thi đua khen thưởng; chỉ đạo thực hiện công tác thi đua khen thưởng kịp thời đối với những cá nhân có thành tích xuất sắc, góp phần đẩy mạnh hoạt động thư viện, phục vụ tốt nhiệm vụ đưa sách báo đến quảng đại quần chúng.

2.3.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Nhờ sự chỉ đạo trực tiếp của Vụ Thư viện và BVHTTDL luôn có những văn bản quy định về việc quản lý nhà nước về thư viện, công tác quản lý nhà nước về thư viện ngày càng đi vào nề nếp, khắc phục những sai sót để quản lý ngày càng tốt hơn.

Tiếp đến là sự quan tâm, chỉ đạo hoạt động thư viện của Ban Giám đốc TVQG Việt Nam luôn nhanh chóng, sát đúng nội dung và việc theo dõi kiểm tra thực hiện các công tác quản lý được đầy đủ, kịp thời.

Cán bộ thư viện tuy chỉ 1 bộ phận nhỏ có trình độ yếu những đã rất chịu khó tham gia các khóa huấn luyện, hội thảo, hội nghị về công tác thư viện.

2.3.2. Về hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

2.3.2.1. Hạn chế

Vẫn chưa có tính kế hoạch cụ thể, rõ ràng trong kế hoạch xây dựng chiến lược quy hoạch củng cố, phát triển thư viện.

Một số lượng đáng kể trong đội ngũ cán bộ thư viện năng lực còn hạn chế, đặc biệt là ngoại ngữ chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động thư viện trong tình hình hiện nay. Cán bộ, nhân viên luôn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, trình độ nghiệp vụ chuyên môn không đồng đều. Đội ngũ cán bộ thư viện chưa được chú trọng huấn luyện văn hóa ứng xử, khả năng giao tiếp, phẩm chất đạo đức và các kỹ năng khác liên quan đến vấn đề xử lý các tình huống trong công việc thực tế. Chế độ chính sách (tuyển dụng, đãi ngộ, đào tạo...) cho đội ngũ này chưa hợp lý. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng phục vụ của thư viện, giảm khả năng ứng dụng công nghệ hiện đại vào quá trình làm việc và hoạt động của hệ thống thư viện, đồng thời giảm sức hút của thư viện - nơi trước đây luôn được xem là nguồn cung cấp tri thức giàu có và hiệu quả nhất trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, các phương tiện nghe nhìn, internet...

Công tác quản lý nhà nước trong hợp tác quốc tế về thư viện chưa thực sự được chú trọng; Chưa có tầm vĩ mô và tính chiến lược trong việc hợp tác quốc tế. Còn nhiều hạn chế trong việc tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức nước ngoài về các chương trình, dự án quốc tế về thư viện.

Hiện nay, công tác thanh tra, kiểm tra của TVQG Việt Nam còn bộc lộ nhiều hạn chế: chưa có tính kế hoạch, chương trình cụ thể; chưa có tính chủ động trong công tác kiểm tra; chưa thành lập đoàn công tác thanh tra, kiểm tra để phối hợp với

các cơ quan chức năng thanh tra việc thực hiện các văn bản pháp quy hoặc tổ chức hoạt động thư viện.

Còn nhiều hạn chế trong công tác khen thưởng, chưa có tính kế hoạch, không thường xuyên và chưa thực sự sâu sát, chưa nhạy bén. Bởi vậy chưa có được thông tin hai chiều để kịp thời tháo gỡ giải quyết các vấn đề ách tắc trong tổ chức và hoạt động của thư viện.

2.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Do sự hạn chế trong công tác quản lý thư viện và điều kiện vật chất, vì công tác quản lý nhà nước về thư viện bao gồm cả việc xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước đối với thư viện. Như đã phân tích ở trên, pháp luật hiện tại về quản lý nhà nước đối với thư viện dù được sự đầu tư và chuẩn bị rất công phu, nhưng do tính chất của pháp luật là ở thể tinh nên có những bất cập trong một số chế định riêng. Riêng về công tác tổ chức thực hiện pháp luật dù có những quy định tương đối rõ ràng của pháp luật nhưng vẫn có sự chòng chéo lên nhau giữa các cơ quan chức năng mà chủ yếu là một số nơi, các cấp có thẩm quyền chưa phân định được chức năng, vai trò, vị trí của mình. Từ đó dẫn đến buông lỏng quản lý hoặc thực hiện không đúng trách nhiệm.

Thực trạng điều hành cơ quan thư viện vẫn còn nhiều lo ngại. Trong hệ thống đào tạo chính quy đã có cơ sở đào tạo cán bộ quản lý thư viện và cán bộ điều hành thư viện. Tuy nhiên trên thực tế, do nhu cầu một phần các lãnh đạo của các thư viện thường được bổ nhiệm không đúng với trình độ chuyên môn của mình. Đây chính là một bất cập hơn trong hoạt động thư viện của nước ta. Nó không chỉ phản ánh thực trạng đội ngũ cán bộ điều hành một lĩnh vực nhất định mà còn tạo ra nhiều khó khăn phức tạp cho hoạt động quản lý thư viện.

Kết luận chương 2

TVQG Việt Nam là thư viện trung tâm của cả nước, trực thuộc sự quản lý của BVHTTDL. Ở nước ta, TVQG Việt Nam cũng có vị trí hết sức đặc biệt trong toàn bộ sự nghiệp thư viện nước nhà và được chế định bởi nhiều văn bản pháp quy.

Công tác quản lý nhà nước về thư viện xét về phương diện pháp luật và thực tiễn đều có những tiến bộ vượt bậc khi nước ta đã ban hành hàng loạt các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực này và xây dựng một chiến lược phát triển thư viện đến năm 2020. Tuy nhiên, do thiếu đồng bộ và thực tiễn phát triển khá phức tạp của hệ thống thư viện trong nước, nhiều quy định của pháp luật trở nên bất cập, thiếu tính khả thi và chậm sửa đổi, tạo ra những khe hở nhất định trong quá trình điều chỉnh hoạt động thư viện. Bên cạnh đó, về thực tiễn, công tác quản lý nhà nước cũng bộc lộ nhiều thiếu sót và hạn chế mà tác giả đã phân tích ở mục 2.3.

Chương 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯ VIỆN TỪ THỰC TIỄN THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM

3.1. Quan điểm tăng cường quản lý nhà nước về thư viện

Thứ nhất, tăng cường quản lý nhà nước về thư viện phải đáp ứng nhu cầu mở cửa, hội nhập quốc tế

Trong xu thế hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay, công tác quan hệ quốc tế trên lĩnh vực thư viện đóng một vai trò rất quan trọng, như chiếc cầu nối giúp nền thư viện Việt Nam hội nhập với khu vực và thế giới. Thông qua hoạt động quan hệ quốc tế, các thư viện khai thác các cơ hội hợp tác, tranh thủ sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế, học hỏi kinh nghiệm, cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại thông qua các chương trình nghiên cứu chung, liên kết với các đối tác nước ngoài để từng bước chuẩn hóa công tác chuyên môn nghiệp vụ, từng bước đưa nền thư viện Việt Nam hội nhập với khu vực và thế giới. [36, tr. 44]

Thứ hai, tăng cường quản lý nhà nước về thư viện phải hướng đến việc phục vụ và đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội về thư viện của người dân

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của đời sống kinh tế - xã hội và xu hướng hội nhập quốc tế, ngày càng khẳng định hệ thống thư viện được xem là phương tiện gần gũi, trực tiếp nhất để con người tiếp cận những kiến thức khoa học một cách nhanh chóng.

Bạn đọc của TVQG Việt Nam hiện nay là một đội ngũ bao gồm nhiều thành phần khác nhau: đó là các cán bộ nghiên cứu, các nhà chuyên môn, cán bộ giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng, chuyên nghiệp, những người làm công tác lãnh đạo, quản lý và sinh viên năm của các trường đại học. Bên cạnh đó còn có bạn đọc là công an, bộ đội, giáo viên phổ thông, người đã về hưu, người nước ngoài (tuy không thường xuyên). Có nhiều nhà sản xuất, kinh doanh, các nhà báo... đã tìm đến thư viện thường xuyên hơn. [4, tr.57] Như vậy, nếu như trước đây thư viện chỉ thu

hút được các nhà trí thức và giới sinh viên thì ngày nay đối tượng bạn đọc đã được mở rộng hơn rất nhiều.

Thứ ba, tăng cường quản lý nhà nước về thư viện phải dựa trên tinh thần cải cách hành chính

Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 đã đề ra: “*Xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động điều hành của Chính phủ và của các cơ quan hành chính nhà nước. Bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, của đất nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước*”. [24]

Quan điểm chỉ đạo này hàm chứa những nội dung cụ thể dưới đây:

Đẩy mạnh triển khai cải cách thể chế.

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; gắn trách nhiệm của cá nhân, tập thể, đặc biệt là người đứng đầu.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xóa bỏ thủ tục rườm rà, rút ngắn thời gian và tăng tính liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, văn bản của Chính phủ, BVHTTDL, Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước; triển khai có hiệu quả Đề án tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Tăng cường triển khai có hiệu quả việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công, bảo đảm tính hiệu quả, kịp

thời, công khai, minh bạch trong thực thi công vụ, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

Trong những năm gần đây, cùng với quá trình đổi mới tổ chức hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước và xu thế phát triển mới của đất nước, công tác quản lý nhà nước nói chung và công tác quản lý nhà nước đối với hệ thống Thư viện nói riêng nhìn chung đã có bước đổi mới góp phần tích cực vào việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước cũng như góp phần không nhỏ vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thư viện. Về cơ bản hoạt động quản lý nhà nước đối với hệ thống thư viện đã có một số kết quả tích cực, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế cần được kịp thời điều chỉnh để nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả của công tác này.

3.2. Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về thư viện

3.2.1. Nhóm giải pháp về hoàn thiện pháp luật

Một là, nâng cấp Pháp lệnh Thư viện thành Luật Thư viện

PLTV ra đời mang ý nghĩa quan trọng vì nó tạo cơ sở pháp lý cho việc ra đời các văn bản pháp quy khác và mở đường cho cơ quan tổ chức có thẩm quyền thực thi các quy định, chế tài nhằm thúc đẩy hoạt động của ngành thư viện Việt Nam. Tuy vậy, do sự biến đổi không ngừng của khoa học kỹ thuật, sự lớn mạnh từng ngày của ngành thư viện Việt Nam và thư viện thế giới, đã đến lúc cần có những điều chỉnh phù hợp đối với một số nội dung trong PLTV nhằm hỗ trợ sự phát triển và hội nhập của thư viện Việt Nam. Đồng thời, chúng ta cần xem xét để ban hành Luật Thư viện Việt Nam nhằm cụ thể hóa và tạo ra cơ sở pháp lý vững vàng hơn nữa cho các hoạt động của thư viện Việt Nam, từ đó phục vụ đắc lực cho công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

PLTV chỉ điều chỉnh hệ thống thư viện công lập, chưa điều chỉnh thư viện tư nhân và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Trong khi thực tế ở nước ta nhiều người có vốn tài liệu đáp ứng yêu cầu của một thư viện, trong đó có nhiều tài liệu quý hiếm. Xã hội có nhu cầu khai thác vốn

tài liệu đó, người sở hữu có mong muốn được phục vụ nhu cầu của xã hội và có điều kiện tổ chức phục vụ .

Để khắc phục những bất cập trên đồng thời để tạo điều kiện cho tổ chức và hoạt động sự nghiệp thư viện Việt Nam phù hợp hơn trong giai đoạn mới, giai đoạn cần phát triển thư viện hiện đại, theo xu thế chuẩn hóa, thống nhất và hội nhập thì việc nâng từ PLTV thành Luật Thư viện là cần thiết.

Riêng đối với TVQG Việt Nam, trong tương lai, chúng ta cần có văn bản riêng để điều chỉnh, ở nhiều nước là Luật về TVQG. Có thể đó là luật, cũng có thể là pháp lệnh hoặc nghị định của Chính phủ về TVQG Việt Nam, trong đó phải xác định TVQG Việt Nam phải là loại hình thư viện riêng, đặc biệt của một nước, là thư viện đứng đầu của các thư viện trong cả nước...

Hai là, biên soạn luật về lưu trữ xuất bản phẩm dân tộc của Việt Nam

Mặc dù đây là chức năng quan trọng của TVQG Việt Nam nhưng không thể đưa vào Luật hay Pháp lệnh, Nghị định về TVQG Việt Nam với một vài điều vì nó rất lớn mà chỉ có một luật riêng mới thu tóm được mọi vấn đề. Hiện nay nước ta chưa có luật lưu trữ riêng như nhiều nước trên thế giới. Trước kia ta có sắc lệnh 18 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký quy định chế độ lưu trữ văn hóa phẩm ở Việt Nam, nhưng từ năm 1993, sau khi các Luật Xuất bản năm 2004 và 2012 ra đời thì việc nộp lưu trữ chỉ được đề cập đến trong 1 câu. Nên có quy định nộp lưu trữ xuất bản phẩm về địa phương cho thư viện các tỉnh.

Ba là, cần có các văn bản pháp quy quy định các vấn đề sau đây:

Tổ chức và hoạt động của thư viện lưu động, kinh phí cho thư viện lưu động, chế độ phụ cấp phục vụ lưu động và các chế độ khác cho cán bộ làm việc với loại hình thư viện này.

Tổ chức và hoạt động của các trung tâm thông tin – thư viện, thư viện của cơ quan nước ngoài, tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam như đại sứ quán các nước, trung tâm văn hóa, khoa học, giáo dục ...

Quy chế thành lập, hoạt động của thư viện dành riêng cho người khuyết tật; chính sách về đầu tư, xây dựng, phát triển vốn tài liệu và chế độ đối với cán bộ viên

chức làm việc tại các thư viện này; do các đặc thù của loại hình thư viện này, tách riêng thư viện dành cho người khuyết tật thành một loại hình riêng.

Quy định cụ thể về quản lý, lưu trữ, sử dụng, phân bổ, đưa lên mạng, duy trì tài liệu điện tử, chuẩn dữ liệu, chính sách, vấn đề sở hữu trí tuệ và bản quyền có liên quan đến tài liệu điện tử.

Tiêu chuẩn về tổ chức và quản lý hệ thống thông tin, dịch vụ thông tin trong thời đại bùng nổ internet và trao đổi thông tin như hiện nay.

Định mức chi từ ngân sách nhà nước cho từng loại hình thư viện.

Hướng dẫn phân hạng thư viện và phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các thư viện nhà trường.

Các nguyên tắc và lĩnh vực hợp tác cụ thể giữa các thư viện Việt Nam, giữa thư viện Việt Nam với các thư viện và tổ chức trong và ngoài nước; thành lập các cơ quan, tổ chức quản lý và giám sát việc phối hợp đó.

Hướng dẫn áp dụng các vấn đề về sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả đối với hoạt động sao chụp tài liệu cho bạn đọc của thư viện. Nên có sự “cởi trói” cho các thư viện trong vấn đề này như cho phép thư viện in, sao tài liệu phục vụ tất cả các hoạt động giáo dục và phi lợi nhuận, hoặc thư viện có quyền in, sao tài liệu cho người sử dụng để họ thực hiện các nghiên cứu thương mại hoặc mang tính thương mại.

Hướng dẫn việc thực thi các thỏa thuận, hiệp ước, và công ước khu vực và quốc tế về bản quyền, sở hữu trí tuệ cho các thư viện.

Xây dựng bộ quy tắc hoặc chính sách đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ nhân viên thư viện.

Chính sách đầu tư cho việc viết, xuất bản và bổ sung tài liệu cho trẻ em, người khuyết tật, ấn phẩm in bằng tiếng dân tộc thiểu số.

Thống nhất việc áp dụng các chuẩn nghiệp vụ thư viện như chuẩn thư tịch, chuẩn kỹ thuật... trên toàn quốc nhằm tạo thuận lợi cho việc phát triển hình thức liên thư viện và chia sẻ dữ liệu trong tương lai.

Đưa nội dung “Tìm kiếm và đánh giá tài nguyên thông tin” thành môn học bắt buộc ở năm thứ nhất cho tất cả sinh viên, nhằm hỗ trợ sinh viên cách tìm kiếm tài

liệu, thông tin trong và ngoài thư viện, phục vụ cho nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học.

Nước ta nên có hai loại văn bản thư viện: Luật về tổ chức và hoạt động của sự nghiệp thư viện chung và Luật về TVQG như nhiều nước khác.

Xây dựng “Luật lưu chiểu” độc lập (tách khỏi Luật xuất bản) để đảm bảo nghiêm chỉnh việc nạp bản lưu chiểu xuất bản phẩm cho TVQG Việt Nam để tàng trữ và các sở văn hoá thông tin, tạo nguồn bổ sung xuất bản phẩm địa phương ổn định cho các thư viện.

Xây dựng mới “Quy chế tổ chức và hoạt động thư viện thiếu nhi”. Cần chú ý đến chức năng thông tin cho cộng đồng dân cư và của các thư viện công cộng trong điều kiện mới.

Đề nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo cho sự nghiệp thư viện phát triển theo đúng định hướng của Đảng và nhà nước, phù hợp và tiến kịp với xu thế của thế giới nhà nước cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đặc thù trong lĩnh vực thư viện nhằm tạo ra hành lang pháp lý vững chắc trong lĩnh vực này. Đặc biệt cần tập trung xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành PLTV và Nghị định số 72/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/08/2002 Quy định chi tiết thi hành PLTV. Những quy định cần được hướng dẫn cụ thể để các cấp quản lý thực hiện, khắc phục tình trạng có văn bản chung mà chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện nên gây lúng túng trong công tác tổ chức và quản lý của các cấp thừa hành.

Ngoài ra công tác soát xét lại các văn bản đã ban hành và bổ sung nhằm loại bỏ những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất hợp lý trên cơ sở gắn liền với những thay đổi của đời sống kinh tế - xã hội và yêu cầu của hệ thống thư viện để từ đó kịp thời có sự sửa đổi, bổ sung phù hợp với những vấn đề mới nảy sinh nhằm hướng đến một hành lang pháp lý chặt chẽ, khả thi và hợp lý trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thư viện. Bên cạnh đó, hệ thống văn bản pháp luật cần phải chú trọng đến vấn đề phải có những chế tài nghiêm ngặt hơn nữa để xử lý vi phạm trong hoạt động quản lý nhà nước về hệ thống thư viện trong cả nước; tăng cường công tác

giám sát, thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện những sai sót và có sự điều chỉnh hợp lý. Đồng thời, cả quá trình xây dựng và ban hành văn bản pháp luật cũng như quá trình tổ chức thực thi các văn bản đó trên thực tế cần tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật nói chung và dựa trên sự quản lý, giám sát chặt chẽ.

3.2.2. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện

Thứ nhất, xây dựng chiến lược quy hoạch, kế hoạch củng cố, phát triển hệ thống thư viện Việt Nam.

Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020 của Việt Nam đã xác định: Đến năm 2020, Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hoá, có nền kinh tế năng động, đủ sức cạnh tranh, hội nhập và sánh vai với các nước trong khu vực và Đông Nam Á. Trên thực tế, Việt Nam đã bước vào xã hội công nghiệp, bước vào xã hội thông tin.

Người dân nói chung, người dân ở nông thôn, miền núi cũng có nhu cầu tiếp xúc thường xuyên với các loại sách báo phù hợp để tiếp nhận thông tin, học tập cách làm vườn, trồng trọt, chăn nuôi và làm giàu...

Việc xây dựng chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển thư viện công cộng Việt Nam đến năm 2020 (thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá) là việc làm cấp bách và cần thiết. Qua đó, để xác định và khẳng định hướng chiến lược lâu dài cho ngành thư viện, khắc phục sự tùy tiện, tản mạn và lạc hậu hiện nay, nhằm thoả mãn mong muốn của nhiều đối tượng bạn đọc về nhu cầu, sách báo, thông tin tư liệu.

Theo đó, định hướng chiến lược phát triển hệ thống thư viện Việt Nam đến năm 2020 được xác định: thư viện phải gắn kết chặt chẽ và hữu cơ với nhiệm vụ chính trị, kinh tế, khoa học, văn hoá xã hội của đất nước. Lấy việc đáp ứng nhu cầu đọc và thông tin tư liệu, hoạt động của thư viện nhằm thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là ưu tiên hàng đầu, đồng thời quan tâm mục tiêu phổ biến kiến thức, nâng cao dân trí của người dân.

Đầu tư thích đáng cho việc củng cố, nâng cao chất lượng và phát triển các mạng lưới thư viện trong cả nước (thư viện tỉnh, thành phố, huyện và cơ sở...).

Hệ thống thư viện phải là nguồn lực giúp nâng cao dân trí, phát triển kinh tế, văn hoá xã hội và phổ cập giáo dục của cộng đồng.

Quan tâm hơn nữa các bạn đọc là thiếu nhi, những người tàn tật. Đặc biệt cần có kế hoạch, quan tâm đến thế hệ đọc tương lai (bao gồm cả các trẻ nhỏ trước tuổi đến trường).

Tiến tới tổ chức một mạng lưới thư viện công cộng, thống nhất gồm nhiều loại hình, rộng khắp, phù hợp ở mọi vùng, mọi miền trên địa bàn cả nước.

Tạo cho người đọc sự tiếp cận tối ưu với các tài liệu, trước hết là vốn tài liệu có trong các thư viện trong cả nước, cung cấp tri thức và thông tin cho người sử dụng. Tổ chức và xây dựng hệ thống thư viện gần gũi và thuận lợi nhất cho người dân (gần khu dân cư tập trung, gần đường giao thông, gần các khu có dịch vụ công cộng).

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Thư viện gồm các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực thông tin và thư viện nhằm tham mưu cho Chính phủ những định hướng, biện pháp, chính sách cơ bản trong lĩnh vực thông tin thư viện, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng của đội ngũ tham mưu trên cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giỏi về kiến thức quản lý nhà nước, có sự am hiểu sâu rộng về lĩnh vực thư viện cũng như xu hướng phát triển chung của hệ thống thư viện, có tầm nhìn về nhu cầu của đời sống kinh tế - xã hội đất nước đối với hiệu quả hoạt động của hệ thống thư viện đáp ứng như cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Tăng cường vai trò của Hội Thư viện Việt Nam - một tổ chức nghề nghiệp của những người làm Thư viện trong cả nước – trong vấn đề đáp ứng nhu cầu phát triển ngành thư viện Việt Nam, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ đời sống văn hóa của người dân và thúc đẩy quá trình hội nhập với cộng đồng thư viện quốc tế và trong khu vực; đồng thời gắn kết các chi hội khác trong cả nước nhằm tạo ra một hệ thống thống nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn nghiệp vụ thống nhất trong toàn quốc. Phối hợp hoạt động liên ngành, liên tỉnh và giữa các loại hình thư viện trong toàn bộ hoạt động thư viện (bổ sung tài liệu, sử dụng các sản phẩm và dịch vụ thư viện - thông tin, luân chuyển tài liệu, biên soạn...).

Hoàn thiện hệ thống tổ chức thư viện ở các trường đại học, xem đây là hạt nhân quan trọng trong phát triển hệ thống thư viện. Tuy nhiên cũng cần có sự phát triển đa dạng các loại hình thư viện khác nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của việc phát triển nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực khác nhau trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với yếu tố phát triển bền vững và nhu cầu khác nhau của người đọc sách, nghiên cứu, tham khảo...

Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý trong công tác quản lý nhà nước về thư viện cũng như từng đơn vị, bộ phận thư viện cụ thể. Đặc biệt phải quy định rõ ràng trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận quản lý và tổ chức hoạt động thư viện để dễ dàng kiểm tra, đánh giá và xử lý vi phạm.

Thứ hai, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thư viện

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước có chuyên môn, nghiệp vụ. Bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực thư viện không chỉ ở phương diện kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước mà còn có sự am hiểu sâu sắc về tầm quan trọng của hệ thống thư viện trong vấn đề củng cố và tăng cường “văn hóa đọc” hướng đến xây dựng một “xã hội học tập” và phát triển nguồn nhân lực chất lượng nhằm tăng chất lượng và hiệu quả của ý kiến tham mưu, tư vấn.

Thường xuyên thực hiện công tác đánh giá đội ngũ cán bộ hoạt động trong thư viện để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kịp thời. Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ thư viện có thể được thực hiện qua các hình thức: cử cán bộ đi học tập kinh nghiệm tại các thư viện lớn ở các nước tiên tiến trong khu vực, đào tạo về nghiệp vụ thư viện cho đội ngũ cán bộ qua các lớp đào tạo ngắn hạn hay dài hạn, tổ chức các đợt tập huấn ngắn hạn để đào tạo về kỹ năng giao tiếp, thái độ ứng xử khi phục vụ bạn đọc.

Đặc biệt các cơ sở đào tạo cán bộ thông tin - thư viện cần trang bị kỹ năng và phương pháp sử dụng phần mềm nguồn mở giúp cán bộ thư viện có thể cung cấp thông tin đa dạng cho bạn đọc.

Ngành thư viện nên tiến hành phân loại đối tượng cần đào tạo, đào tạo lại. Theo đó, đối tượng cần đào tạo, bồi dưỡng trong hệ thống thư viện hiện nay chủ yếu là cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và cán bộ công nghệ. Cán bộ quản lý

sẽ được bổ sung kiến thức pháp luật về lĩnh vực văn hóa; kiến thức về tổ chức, quản lý thư viện hiện đại. Cán bộ chuyên môn sẽ được trang bị kỹ năng sử dụng máy tính, khai thác thông tin trên internet... Ngoài ra, các thư viện tỉnh cũng sẽ có chính sách thu hút cán bộ chuyên sâu về tin học, ngoại ngữ về công tác.

Việc xây dựng các chương trình đào tạo, đào tạo lại phù hợp với từng đối tượng không dễ dàng, do đó cần có sự đầu tư thích đáng về trí tuệ, vật chất và tổ chức khoa học, nghĩa là cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Vụ Thư viện, các trường đại học và Hội Thư viện Việt Nam.

Đào tạo cán bộ làm thư viện một cách thống nhất, tập trung, đảm bảo về số lượng và chất lượng đáp ứng hiệu quả của thư viện trong hiện tại và tương lai. Đào tạo cán bộ thư viện không chỉ chú trọng về mặt chuyên môn nghề nghiệp mà cần phải gắn liền với việc rèn luyện phẩm chất đạo đức, ứng xử - giao tiếp trong phục vụ độc giả, nâng cao tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp trong vấn đề bảo quản, lưu giữ kho sách và tận tình phục vụ theo nhu cầu của độc giả.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, nhân viên hoạt động trong lĩnh vực thư viện được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý, ngoại ngữ, tin học... thông qua việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ làm công tác thư viện; tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về quản lý thư viện và nghiệp vụ thư viện; diễn đàn, hội thảo trao đổi kinh nghiệm quản lý và tổ chức hoạt động giữa các thư viện đầu ngành với các thư viện địa phương, cơ sở...

Thứ ba, tăng cường quan hệ hợp tác quốc tế của TVQG.

Căn cứ vào đường lối đối ngoại của Đảng và nhà nước, bám sát định hướng xây dựng TVQG Việt Nam theo mô hình Thư viện truyền thống - hiện đại - Thư viện số; công tác quan hệ quốc tế của TVQG Việt Nam trong thời gian tới xác định tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Xây dựng kế hoạch cụ thể về hợp tác thư viện, có biện pháp triển khai thực hiện.

Tranh thủ được các dự án nước ngoài trong các chương trình hợp tác quốc tế về thư viện.

Xây dựng các quy định về hợp tác quốc tế trên lĩnh vực thư viện đối với hệ thống thư viện.

Tiến hành các thủ tục văn bản xúc tiến gia nhập Hiệp hội thư viện quốc tế IFLA cho Thư viện Thành phố Hồ Chí Minh và một số thư viện tầm cỡ khác trong nước và chính bản thân Vụ Thư viện.

Hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực trao đổi tài liệu và vấn đề kiểm kê, thu thập các nguồn tài liệu quý của Việt Nam đang thất lạc ở nước ngoài và các tài liệu ở nước ngoài nói về Việt Nam.

Tổ chức các đoàn cán bộ đi nghiên cứu, học tập, hội nghị, hội thảo ở các nước trong khu vực và trên thế giới về thư viện.

Hợp tác các chương trình đào tạo cán bộ thư viện ở nước ngoài để đào tạo nguồn nhân lực.

Mời chuyên gia thư viện nước ngoài đến Việt Nam mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn thuộc hệ thống thư viện công cộng.

Có chương trình kế hoạch cụ thể trong sự hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới về ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ thuật hiện đại trong lĩnh vực thư viện.

3.2.3. Nhóm giải pháp về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm trọng hoạt động thư viện. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm là một hoạt động quan trọng và thường xuyên trong quản lý nhà nước đối với tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Riêng trong lĩnh vực thư viện, hoạt động này còn quan trọng hơn khi nó liên quan đến vấn đề tư tưởng, văn hóa, đời sống của đông đảo quần chúng nhân dân.

Vì chưa ý thức được vai trò quan trọng và vì có sự chông chéo trong việc sắp xếp các cơ quan thư viện nên công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền vẫn còn nhiều bất cập, tạo ra nhiều kẽ hở dẫn đến nhiều sai phạm nghiêm

trọng mà phổ biến nhất là việc xa rời tôn chỉ, mục đích của một bộ phận các cơ quan thư viện.

Tóm lại: công tác thanh tra kiểm tra là nhiệm vụ cấp bách, vô cùng quan trọng trong công tác quản lý nhà nước ngành thư viện. Làm tốt công tác thanh tra kiểm tra sẽ củng cố và tăng cường tổ chức, hoạt động của hệ thống thư viện, nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động thư viện, là đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển hệ thống thư viện Việt Nam.

3.2.4. Một số giải pháp khác

Thực hiện chính sách xã hội hoá các hình thức xây dựng thư viện, tủ sách, phòng đọc ở cơ sở dưới hình thức phối hợp giữa nhà nước và nhân dân, giữa bộ ngành, các tổ chức đoàn thể, các cấp chính quyền địa phương nhằm xây dựng “một xã hội học tập”, đặc biệt góp phần xây dựng có hiệu quả thể hệ đọc tương lai.

Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ tham gia tích cực vào việc xây dựng tủ sách thư viện hoặc tạo ra những phong trào đọc sách ở thư viện từ đó nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của hệ thống thư viện trong việc nâng cao dân trí, sự mở rộng hiểu biết về nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế - xã hội, tăng tính tích cực của việc thu hút độc giả đến thư viện, hơn thế tạo cho người đọc tâm lý chủ động đến thư viện học tập, nghiên cứu chứ không phải đến Thư viện theo phong trào và tiêu tốn thời gian rảnh rỗi.

Đảm bảo sự tương hợp và khả năng hoà nhập của thư viện Việt Nam với các thư viện trong khu vực và trên thế giới trên cơ sở cải tiến quy trình, thủ tục hoạt động của thư viện, nâng cao chất lượng các đầu sách cũng như mở rộng đầu tư cho trang bị sách ngoại văn, ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình hoạt động, giao lưu và trao đổi học tập về quản lý và nghiệp vụ Thư viện với các thư viện phát triển...

Học tập mô hình thư viện của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới như Malaysia, Hàn Quốc...

Phát triển bộ phận nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ (viện/phòng/ban/nhóm/tổ nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ) trong các cơ quan, bộ phận chuyên trách về lĩnh vực phát triển và quản lý thư viện nhằm hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thư viện cũng như tăng sự hài lòng của độc giả đối với chất lượng của thư viện từ đó góp phần nâng cao vai trò của thư viện trong quá trình phát triển văn hóa đọc.

Phối hợp liên ngành, hợp tác giữa các cơ quan, tổ chức trong quản lý và phát triển hệ thống thư viện: phối kết hợp trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, lập quy hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, kiểm tra giữa các bộ phận chuyên trách về hoạt động quản lý và phát triển thư viện nhằm tạo nên sự thống nhất và nâng cao hiệu quả hợp tác, hỗ trợ giữa các bộ phận quản lý; mở rộng sự giao lưu, hợp tác giữa thư viện của các địa phương, các tổ chức, các trường đại học – cao đẳng... thông qua các hoạt động trao đổi kinh nghiệm; luân chuyển sách báo, tài liệu; giúp đỡ nhau trong việc đáp ứng yêu cầu độc giả bằng việc thư viện của tổ chức này tạo điều kiện cho độc giả của thư viện tổ chức khác đến nghiên cứu, học tập trong một khoảng thời gian nhất định có trên cơ sở hợp tác giữa hai thư viện...

Kết luận chương 3

Từ những khó khăn, bất cập, hạn chế nêu ở chương 2, tác giả đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành thư viện trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

Để phát triển hệ thống thư viện không thể thiếu vấn đề tăng cường vai trò quản lý nhà nước. Vì vậy, nâng cao sự quản lý nhà nước đối với hệ thống thư viện là yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn khách quan đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Với mong muốn đóng góp một phần ý tưởng nhỏ của mình cho vấn đề tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động của hệ thống thư viện, sau khi tìm hiểu và phân tích cơ sở lý luận cũng như thực trạng công tác quản lý nhà nước, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém còn tồn tại trong công tác quản lý nhà nước. Tác giả hy vọng đã gợi mở thêm một số nội dung thiết thực cho việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển hệ thống thư viện. Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu vấn đề trên nhiều phương diện nhưng chắc chắn tác giả vẫn không tránh khỏi các thiếu sót, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Vì vậy, tác giả mong nhận được các ý kiến đóng góp để vấn đề nghiên cứu được hoàn thiện hơn và có ích trong thực tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (1993), Quyết định *Về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngành công chức ngành Văn hoá - Thông tin*, số 428/QĐ ngày 2/6/1993
2. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (1997), Thông tư *Hướng dẫn bổ sung chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với Bảo tàng và Thư viện thuộc ngành Văn hoá - Thông tin*, số 49/TCCP-TT ngày 14/2/1997
3. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (1998), Quyết định *Về việc ban hành quy định thi nâng ngạch bảo tàng viên, Thư viện viên, thư mục viên lên bảo tàng viên chính, Thư viện viên chính, thư mục viên chính trong các bảo tàng, Thư viện*, số 393/QĐ-TCCP-CCVC ngày 3/10/1998
4. Nguyễn Ngọc Bích (2002), Bản đọc của Thư viện Quốc gia hiện nay, *Văn hóa nghệ thuật*, số 11(221)
5. Bộ Lao động (1985), Quyết định *Về việc ban hành bản Danh mục số 1 các chức danh đầy đủ viên chức Bộ văn hóa và chuyên ngành báo chí xuất bản, biểu diễn nghệ thuật*, số 120-LĐ/QĐ ngày 6/6/1985
6. Bộ Tài chính (2003), Thông tư *Hướng dẫn về phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, số 71/2003/TT-BTC ngày 30/7/2003
7. Bộ Tài chính (2005), Quyết định *Quy định mức thu, việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí Thư viện áp dụng tại Thư viện Quốc gia Việt Nam*, số 7/2005/QĐ-BTC ngày 18 /1/2005
8. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2008), Quyết định *Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Thư viện*, số 26/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 31/3/2008
9. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014), Quyết định *Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thư viện Quốc gia*, số 888/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2014

10. Bộ Văn hoá - Thông tin - Thể thao và du lịch và Bộ Tài chính (1990), Thông tư liên bộ *Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính và chính sách đầu tư của Nhà nước đối với Thư viện công cộng*, số 97-TTLB/VHTTTDL-TC ngày 15/6/1990
11. Bộ Văn hóa - Thông tin (1989), Thông tư *Về việc hướng dẫn xếp hạng các ngành, các cấp*, số 20/VH-TT ngày 9/5/1989
12. Bộ Văn hóa – Thông tin (1997), Quyết định *Quy định về chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Thư viện Quốc gia Việt Nam*, số 579/TC-QĐ ngày 17/03/1997
13. Bộ Văn hoá - Thông tin (1997), Thông tư *Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của ngành văn hoá - thông tin*, số 46/TT/VHTT ngày 17/6/1997
14. Bộ Văn hoá - Thông tin (1997), Công văn *Hướng dẫn thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho lao động ngành văn hoá - thông tin làm việc trong điều kiện có yếu tố độc hại*, số 2241/TC-CV ngày 15/7/1997
15. Bộ Văn hoá - Thông tin (2003), Thông tư *Về việc hướng dẫn chi tiết về điều kiện thành lập Thư viện và thủ tục đăng ký hoạt động Thư viện*, số 56/2003/TT-BVHTT ngày 16/9/2003
16. Bộ Văn hóa và Thông tin (2004), *Quy hoạch phát triển ngành thư viện Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Bộ Văn hóa và Thông tin, Hà Nội
17. Bộ Văn hóa - Thông tin (2005), Quyết định *Ban hành quy chế mẫu tổ chức và hoạt động của Thư viện tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*, số 16 /2005/QĐ-BVHTT ngày 04/05/2005
18. Bộ Văn hóa - Thông tin (2006), Thông tư *Hướng dẫn thực hiện chế độ độc hại và bồi dưỡng bằng hiện vật đối với cán bộ, công chức, nguy hiểm và bồi dưỡng bằng hiện vật đối với cán bộ, công chức ngành văn hóa - thông tin*, số 26/2006/TT - BVHTT ngày 21/2/2006

19. Bộ Văn hóa - Thông tin (2006), Thông tư *Hướng dẫn phân hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập hoạt động văn hoá - thông tin*, số 67/2006/TT-BVHTT ngày 10/8/2006
20. Nguyễn Diệu Cơ, Đinh Ngọc Vượng, Nguyễn Quốc Việt (1987), *Quản lý Nhà nước xã hội chủ nghĩa*, Viện thông tin khoa học xã hội, Hà Nội
21. Chính phủ lâm thời (1946), *Sắc lệnh đặt thể lệ lưu chiếu văn hóa phẩm trong nước Việt Nam*, số 18-SL ngày 31/01/1946
22. Chính phủ (1970), *Quyết định Về công tác thư viện*, số 178-CP ngày 16/9/1970
23. Chính phủ (2001), *Nghị định Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - thông tin*, số 31/2001/NĐ-CP ngày 26/6/2001
24. Chính phủ (2011), *Nghị quyết Ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020*, số 30c/NQ-CP ngày 8/11/ 2011
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hoá phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hoá phát triển lên một bước mới, Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hoá văn nghệ: Từ Đại hội VI đến Đại hội VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Nội dung văn kiện đại hội Đảng khóa X*,
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*
30. Nguyễn Tiến Hiền, Nguyễn Thị Lan Thanh (2002), *Quản lý thư viện và trung tâm thông tin*, Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội
31. Nguyễn Tiến Hiền, Nguyễn Thị Lan Thanh (2014), *Quản lý Thư viện và trung tâm thông tin: Giáo trình dùng cho sinh viên đại học và cao đẳng ngành Thư viện - Thông tin*, NXB Lao động, Hà Nội

32. Nguyễn Minh Hiệp (2002), *Sổ tay quản lý Thông tin - Thư viện*, Nxb ĐHQG Tp.HCM
33. Trần Hậu Kiên (1996), *Một số vấn đề quản lý Nhà nước*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
34. Âu Cẩm Linh (2007), *Tổ chức và quản lý công tác thư viện*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
35. Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Hữu Giới (1999), *Về công tác thư viện*, Nxb Hà Nội, Hà Nội
36. Bùi Thị Thủy (2012), Công tác quan hệ quốc tế tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 6(38)
37. Thư viện học đại cương (2014)
<https://libraryk40.wordpress.com/2016/01/02/vai-tro-cua-thu-vien-trong-xa-hoi/>
38. Thư viện Quốc gia Việt Nam (2012), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012 và phương hướng nhiệm vụ năm 2013*, Hà Nội
39. Thư viện Quốc gia Việt Nam (2013), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ năm 2014*, Hà Nội
40. Thư viện Quốc gia Việt Nam (2014), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015*, Hà Nội
41. Thư viện Quốc gia Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ năm 2016*, Hà Nội
42. Thư viện Quốc gia Việt Nam (2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017*, Hà Nội
43. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2001), *Pháp lệnh Thư viện*, số 31/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/12/2000
44. Nguyễn Yên Vân, Vũ Dương Thúy Nga (2006), *Thư viện học đại cương – Giáo trình dùng cho sinh viên đại học và cao đẳng ngành Thư viện Thông tin học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.11-14
45. Viện ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng

46. Lê Văn Việt (2007), *Văn bản pháp quy Việt Nam về Thư viện*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội

47. Lê Văn Việt, Kiều Nga, Mỹ Dung (2009), Việc thực thi các quy định trong Pháp lệnh thư viện về Thư viện Quốc gia Việt Nam, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 1(17), tr.53, 54

48. Lê Văn Việt (2012), Những nhiệm vụ trọng tâm của Thư viện quốc gia Việt Nam, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 6(38), tr.8-14